

**TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Số: 2.6./VTĐKĐD-TCHC  
V/v: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên  
năm 2020 của PTT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.
2. Mã Chứng khoán: PTT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
4. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Quang Huy – Giám đốc Công ty – Người đại diện theo pháp luật.
5. Nội dung của thông tin công bố:

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

6. Địa chỉ trang thông tin điện tử của Công ty đăng tải: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương: <http://pvtrans-ptt.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Giám đốc  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
VẬN TẢI DẦU KHÍ  
ĐÔNG DƯƠNG  
NGUYỄN QUANG HUY

Số: 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ, ngày 29/6/2020 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng Quản trị (*Phụ lục 01*).
2. Báo cáo hoạt động SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD năm 2020 của Giám đốc Công ty (*Phụ lục 02*).
3. Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát (*Phụ lục 03*).
4. Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (*Phụ lục 04*).
5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	380,000	414,926	109%
2	Lợi nhuận trước thuế	11,500	9,242	80%
3	Lợi nhuận sau thuế	9,200	7,362	80%
4	Nộp ngân sách nhà nước	9,600	9,702	101%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	11,500	-	0%

6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (*Phụ lục 05*).



7. Chủ trương tái cấu trúc công ty giai đoạn 2019 – 2020 (Phụ lục 06).
8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty (Phụ lục 07).
9. Báo cáo thực hiện thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và Kế hoạch thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 (Phụ lục 08).
10. Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
11. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh và Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty:
  - **Bổ sung ngành, nghề kinh doanh:** Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (mã ngành 5012).
  - **Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:** Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành 5229). Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ.
  - **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:** Điều Khoản 1 Điều 3: Ngành nghề kinh doanh.
12. Tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022: từ 05 (năm) người lên 06 (sáu) người.
13. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với ông Bùi Hữu Cơ.
14. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị đối với bà Vũ Thị Phương Nga.
15. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với bà Phan Thị Thu Hà.
16. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Phan Xuân Sơn.
17. Kết quả bầu 03 (ba) thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Nguyễn Quang Huy và ông Nguyễn Huy Khánh.
18. Kết quả bầu 02 (hai) Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025: ông Nguyễn Thế Dân và ông Nguyễn Bá Nghị.

**Điều 2.** Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm chi đạo, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 29/6/2020.

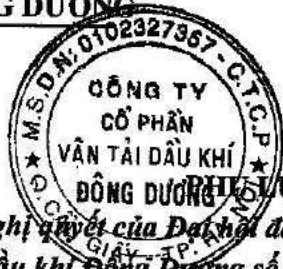
**Nơi nhận:**

- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Ban GD;
- Lưu: VT, HĐQT.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 01:  
(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019:**

**1. Thành viên Hội đồng Quản trị:** Hội đồng Quản trị hiện có 05 thành viên gồm:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch.
- Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên chuyên trách.
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên
- Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên.
- Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên.

**2. Hoạt động của HĐQT và của các thành viên HĐQT Công ty:**

**2.1. Hoạt động của HĐQT:**

**a. Chỉ đạo hoạt động SXKD:**

Năm 2019 là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp ngành dầu khí nói riêng. Ngay từ đầu năm 2019, nhận thức sâu sắc những thuận lợi, khó khăn mà Công ty sẽ gặp phải, Hội đồng Quản trị luôn bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty để đề ra chủ trương phù hợp. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và đột xuất; Đã tổ chức 22 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản về các nội dung thuộc thẩm quyền để kịp thời chỉ đạo, xử lý những vấn đề bất cập phát sinh, ban hành 26 nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành triển khai các hoạt động SXKD.

Các Nghị quyết/quyết định trong năm 2019 của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	09/01/2019	Bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty ( đối với ông Vũ Hoài Nam)
2	02/NQ-VTDKĐD-HĐQT	09/01/2019	Tạm thời thông qua và giao chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 (chưa xét KHĐT)
3	03/NQ-VTDKĐD-HĐQT	30/01/2019	Thông qua chủ trương bán thanh lý trạm nạp LPG Lộc Hạ, Nam Định; Giá bán khởi điểm và PA thanh lý 03 trạm nạp LPG.
4	04/NQ-VTDKĐD-HĐQT	22/02/2019	Chốt danh sách cổ đông để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2019
5	05/NQ-VTDKĐD-HĐQT	27/02/2019	Công tác cán bộ (gia hạn giao nhiệm vụ Phó PT phòng TCKTKH Mrs.Huyền – 3 tháng từ ngày ra NQ).

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
6	06/NQ-VTDKĐD-HĐQT	12/3/2019	Họp thường kỳ Quý I/2019
7	07/NQ -VTDKĐD-HĐQT	09/4/2019	Các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên 2019
8	08/NQ-VTDKĐD-HĐQT	11/4/2019	Giao chỉ tiêu KHSXKD năm 2019
9	09/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/5/2019	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe ô tô văn phòng ở khu vực phía Nam
10	10/NQ-VTDKĐD-HĐQT	20/5/2019	Phê duyệt Kế hoạch định biên lao động năm 2019.
11	11/NQ-VTDKĐD-HĐQT	21/5/2019	Chốt danh sách cổ đông thực hiện việc chia cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
12	12/NQ-VTDKĐD-HĐQT	22/5/2019	Công tác cán bộ - Tuyển dụng và bổ nhiệm KTT.
13	02/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	22/5/2019	Công tác cán bộ (tuyển dụng và bổ nhiệm Kế toán trưởng – Nguyễn Đình Chính)
14	13/NQ-VTDKĐD-HĐQT	07/6/2019	Chỉ thưởng cho BDH từ Quỹ khen thưởng BDH 2018 – NQ ĐHĐCĐ thường niên 2019.
15	14/NQ-VTDKĐD-HĐQT	11/6/2019	Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT Công ty.
16	15/NQ-VTDKĐD-HĐQT	03/7/2019	Xếp Lương CDCV cho ông Nguyễn Đình Chính – KTT Công ty
17	17/NQ-VTDKĐD-HĐQT	04/9/2019	Chấp thuận chủ trương bán thanh lý tài sản đối với 10 xe ô tô
18	18/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/10/2019	Thông qua chủ trương hợp ĐHĐCĐ bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề xin phê duyệt chủ trương thanh lý 27 xe ô tô thuộc dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam” và phê duyệt điều chỉnh Phương án khai thác kinh doanh và các chỉ tiêu của Dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
19	19/NQ-VTDKĐD-HĐQT	08/10/2019	Chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề xin phê duyệt chủ trương thanh lý 27 xe ô tô thuộc dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam” và phê duyệt điều chỉnh Phương án khai thác kinh doanh và các chỉ tiêu của Dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam”.
20	20/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/10/2019	Họp thường kỳ Quý III/2019
21	03/QĐ-VTDKĐD-HĐQT	06/11/2019	Thành lập Ban Kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để duyệt chủ trương thanh lý 27 xe ô tô thuộc dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam” sau đây gọi tắt là “dự án đầu tư 64 xe ô tô” và phê duyệt điều chỉnh Phương án khai thác kinh doanh và các chỉ tiêu “dự án đầu tư 64 xe ô tô”
22	21/NQ-VTDKĐD-HĐQT	18/11/2019	Phê duyệt chủ trương thanh lý 27 xe ô tô thuộc dự án “Đầu tư 64 xe ô tô đã qua sử dụng để mở rộng thị trường cho thuê xe văn phòng khu vực phía Nam” sau đây gọi tắt là “dự án đầu tư 64 xe ô tô” và phê duyệt điều chỉnh Phương án khai thác kinh doanh và các chỉ tiêu “dự án đầu tư 64 xe ô tô”
23	22/NQ-VTDKĐD-HĐQT	22/11/2019	Phê duyệt giá bán thanh lý khởi điểm của 06 xe đầu kéo thuộc Dự án đầu tư đầu kéo cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG cho Công ty CP CNG Việt Nam – Công ty CP KHL Miền Nam
24	23/NQ-VTDKĐD-HĐQT	13/12/2019	Họp ngày 13/12/2019
25	24/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/12/2019	Phê duyệt giá bán thanh lý khởi điểm 12 xe ô tô thuộc đội xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội và Chi nhánh HCM
26	25/NQ-VTDKĐD-HĐQT	24/12/2019	Phê duyệt giá bán thanh lý khởi điểm 13 xe văn phòng cho thuê kinh doanh xe chuyển tại Hà Nội

**b. Kết quả đạt được:**

• **Kết quả hoạt động SXKD:**

Năm 2019, các thành viên HĐQT và Giám đốc Công ty luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý điều hành. Thống nhất nguyên tắc tập trung dân chủ, bàn bạc và quyết định các công việc một cách công khai, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Với sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty, năm 2019, Công ty đã đạt được kết quả như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	380,000	414,926	109
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	368,500	405,684	110
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,500	9,242	80
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,200	7,362	80
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,600	9,706	101
6	Kế hoạch Đầu tư XD CB và mua sắm trang thiết bị	Tỷ đồng	11,500	-	-

**• Công tác đầu tư:**

- Kế hoạch đầu tư năm 2019 được ĐHCĐ thường niên 2019 thông qua, có một (01) dự án chuyển tiếp từ năm 2017: “Dự án cấp phép vùng nước neo đậu tàu vào cảng Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên sông Trà Lý” đầu tư 10 xe văn phòng cho thuê với tổng mức đầu tư 11,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm 2019 Công ty không thực hiện đầu tư

**c. Công tác giám sát đối với Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý:**

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận tuân thủ đầy đủ và kịp thời việc cung cấp thông tin, báo cáo các nội dung liên quan đến hoạt động SXKD theo quy định gồm: báo cáo tình hình SXKD hàng tháng, hàng quý; Báo cáo tài chính quý, năm 2019, các báo cáo khác và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

HĐQT cũng tham dự và có ý kiến chỉ đạo tại cuộc họp giao ban hàng tháng của Giám đốc với bộ máy điều hành và các cuộc họp khác. Các ý kiến khuyến nghị của Ban Kiểm soát cũng được HĐQT xem xét cẩn trọng phát huy mặt tích cực và tìm giải pháp khắc phục tồn tại.

Năm 2019, HĐQT đánh giá Giám đốc Công ty nỗ lực trong công tác điều hành và tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Tuy nhiên năm 2019, chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt được theo kế hoạch ĐHCĐ đã giao.

**2.2. Hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị:**

Trong năm, các thành viên HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

- 1) Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
  - Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Lãnh đạo chung, giám sát tất cả các hoạt động trong hệ thống của Công ty, triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
  - Thay mặt Hội đồng Quản trị ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để thực hiện, đề trình, đề báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
  - Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng Quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Hội đồng Quản trị.



- Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định và các nhiệm vụ khác của Hội đồng Quản trị.
  - Thay mặt Hội đồng Quản trị tổ chức, chỉ đạo thực hiện quản lý nguồn vốn, thu xếp tài chính cho các dự án đầu tư.
  - Chiến lược, định hướng phát triển công ty.
  - Công tác tái cấu trúc, sắp xếp đổi mới doanh nghiệp.
  - Công tác tổ chức nhân sự.
  - Công tác tài chính.
  - Thực hiện các công việc khác không phân công cho các thành viên Hội đồng Quản trị.
- 2) Ông Bùi Hữu Cơ – Ủy viên Hội đồng Quản trị chuyên trách.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
  - Thường trực Hội đồng Quản trị, ký thay Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
  - Công tác Kế hoạch Sản xuất kinh doanh.
  - Công tác đầu tư, thanh lý tài sản.
  - Theo dõi, chỉ đạo hoạt động Sản xuất kinh doanh.
  - Theo dõi, chỉ đạo công tác quản trị nội bộ.
  - Định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong Công ty.
  - Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của cổ đông PVTrans, nghị quyết quyết định của Hội đồng Quản trị.
  - Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.
  - Công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ.
  - Tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành và Điều lệ Công ty.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 3) Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
  - Kiểm soát dòng tiền, tính thanh khoản.
  - Các công việc liên quan đến thu xếp vốn đầu tư.
  - Kiểm soát công nợ.
  - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 4) Bà Vũ Thị Phương Nga – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Công tác xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch Sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - Chế độ tiền lương.
  - Công tác xây dựng các quy chế, quy định quản lý nội bộ.
  - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVTrans tại Công ty.
  - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.
- 5) Ông Hoàng Trung Hưng – Ủy viên Hội đồng Quản trị.
- Tham gia công tác quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
  - Phụ trách công tác đào tạo.
  - Phát triển các dịch vụ, công việc của PVOil tại Công ty.
  - Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và các văn bản khác do Hội đồng Quản trị ban hành.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Quản trị giao.

### **2.3. Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị:**

Năm 2019, Thù lao của HĐQT được trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua, cụ thể như sau:

- Đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm được trả theo mức: Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng; Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Đối với thành viên HĐQT chuyên trách do Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương trả lương theo quy định của Công ty/Tổng Công ty/Nhà nước.

### **2.4. Quan hệ cổ đông:**

Năm 2019, Công ty duy trì tốt công tác quan hệ với các cổ đông, tiếp xúc và cung cấp các thông tin cho cổ đông theo yêu cầu, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## **II. KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020:**

Trước thực tiễn các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu ngày càng bị cạnh tranh cao và đang có xu thế đi xuống. Đồng thời với bộ máy quản lý điều hành hiện nay, toàn bộ lợi nhuận của các hoạt động SXKD hiện hữu mang lại chỉ đủ cho chi phí quản lý năm 2020 đồng nghĩa với việc Công ty không có lãi. Do vậy, nhu cầu cấp bách hiện nay của PVTrans PTT là tìm ra hướng đi mới, lĩnh vực kinh doanh mới ngay trong năm 2020 làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển dài hạn.

Trong những năm qua, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các hướng đi mới như vận tải than, bến neo đậu, kho bãi,... nhưng đến nay vẫn chưa đạt kết quả. Được sự hỗ trợ của cổ đông lớn PVTrans khi chuyển sang kinh doanh dịch vụ vận tải biển sẽ có những thuận lợi nhất định. Do đó năm 2020, Công ty cần phải tiến hành tái cấu trúc các hoạt động SXKD dồn lực chuyển

sang kinh doanh vận tải biển đồng thời cũng cần phải thực hiện tái cấu trúc, sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp với tình hình mới và ngành nghề kinh doanh mới đảm bảo hiệu quả nguồn vốn.

**1. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	350,000
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	342,500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,500
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,000
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,120
5	Kế hoạch Đầu tư XD CB	Tỷ đồng	224,190

**2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2020:**

- Hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2020 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua.
- Thực hiện tốt công tác tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, bộ máy tổ chức quản lý điều hành. Sắp xếp, tinh giản nhân sự phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh mới, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật, hoà hòa quyền lợi, lợi ích của Công ty và của người lao động, tạo tiền đề để công ty phát triển bền vững trong tương lai.
- Thực hiện tốt công tác tái cấu trúc tài sản, thanh lý xe văn phòng, xe đầu kéo theo đúng quy định của Pháp luật, của Công ty đảm bảo thu hồi và bảo toàn vốn.
- Nghiên cứu đánh giá thị trường mua bán tàu, thị trường vận tải biển trong nước, quốc tế, xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư tàu đảm bảo hiệu quả đầu tư của dự án và hiệu quả sử dụng vốn.
- Tổ chức quản lý, khai thác an toàn và hiệu quả các hoạt động kinh doanh vận tải còn lại sau tái cấu trúc. Tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác khai thác kinh doanh với các khách hàng để tối đa hóa khả năng sử dụng đội xe.
- Tìm kiếm và phát triển mở rộng các loại hình sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, đảm bảo kiểm soát công nợ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực về tài chính và con người để thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh mới.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên hiện có, xây dựng đội ngũ tinh gọn có trình độ về khai thác và quản lý kỹ thuật tàu để đáp ứng yêu cầu phát triển sắp tới của đơn vị.
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Triệt để thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác kiểm tra/ kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chi phí đảm bảo không để phát sinh nợ phải thu khó đòi, xử lý dứt điểm các tồn đọng, không để phát sinh những khoản nợ xấu.

- Thực hiện và tuân thủ các quy định trong công tác SXKD và quản lý điều hành. Liên tục hoàn thiện các quy trình, quy chế, hệ thống định mức phù hợp với yêu cầu SXKD của Công ty.
- Chỉ đạo xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.
- Luôn quan tâm bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông. Duy trì chế độ hợp theo quy định của Điều lệ Công ty.



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019 VÀ  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019 VÀ  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020 CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019**

**1. Tổng hợp tình hình SXKD**

✓ Những diễn biến của thị trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh năm 2019:

- Vận tải CNG bằng đầu kéo: Sự cố giếng IP của mỏ Thái Bình dẫn đến các bên bị dừng cấp khí từ 21/02/2019 đến giữa tháng 6/2019 mới tạm thời được khắc phục cơ bản. Trong thời gian này, sản lượng vận chuyển bình quân chỉ đạt 0,6 chuyến/ ngày. Từ đầu tháng 7 đến tháng 12/2019 giá LPG ở mức thấp hơn nhiều so với giá CNG nên phần lớn các khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu phụ là LPG thay vì sử dụng CNG. Kết quả khối lượng khí CNG vận chuyển cả năm 2019 chỉ đạt 36% kế hoạch. Với sản lượng như trên thì không đủ bù các khoản chi phí để khai thác đội xe đầu kéo (08 xe). Trên cơ sở dự báo sản lượng vận chuyển trong thời gian tới và tính toán lại hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện thanh lý 06 xe và giữ lại khai thác 02 xe đầu kéo trong tháng 12/2019.

- Hoạt động kinh doanh xe văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh: Trước những yêu cầu ngày càng cao của khách hàng về chất lượng xe văn phòng cung cấp; tình cạnh tranh, hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê xe văn phòng và số lượng xe hết hạn hợp đồng cho thuê trong năm 2019, Công ty đã tiến hành thanh lý 52 xe để thu hồi, bảo toàn vốn đầu tư (trong đó có 42 xe hết hạn hợp đồng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh). Do vậy lợi nhuận cả năm Chi nhánh chỉ đạt 67% kế hoạch

✓ Đánh giá chung về việc thực hiện KH SXKD được giao trong năm 2019: Kết quả kinh doanh năm 2019: Doanh thu đạt 109% KH năm, Lợi nhuận trước thuế đạt 80% kế hoạch năm.

- Nguyên nhân không đạt kế hoạch về lợi nhuận: Chủ yếu do lợi nhuận từ vận tải CNG bằng đầu kéo và lĩnh vực xe văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh không đạt kế hoạch.

- + Hoạt động vận tải CNG bằng đầu kéo: Sản lượng vận tải chỉ đạt 36% kế hoạch, dẫn đến lợi nhuận gộp của hoạt động này cả năm 2019 bị lỗ.

- + Kinh doanh xe văn phòng tại Chi nhánh Hồ Chí Minh: Do sự sụt giảm 44 xe văn phòng tại khu vực phía Nam (tương ứng lợi nhuận giảm 150 triệu/ tháng). Ngoài ra do chi phí phát sinh trong thời gian chờ thanh lý từ 01/8/2019 đến 31/12/2019 (chi phí khấu hao, bãi đỗ, lãi vay...) khoảng 375 triệu/ tháng.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

*DVT: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2019	TH cả năm 2019	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Doanh thu	380,000	414,926	109%
2	Tổng chi phí	368,500	405,684	110%
	Trong đó: CPQL	9,420	9,412	99%
3	LN trước thuế	11,500	9,242	80%

## 2. Chi tiết các hoạt động kinh doanh năm 2019

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch		Thực hiện		Tỷ lệ so sánh (%)	
		Doanh thu	Lợi nhuận gộp	Doanh thu	Lợi nhuận gộp	DT TH / DT KH	LNG TH / LNG KH
<b>1</b>	<b>Dịch vụ vận tải</b>	<b>209,582</b>	<b>22,590</b>	<b>178,976</b>	<b>16,450</b>	<b>85%</b>	<b>73%</b>
1.1	Vận tải CNG	36,091	8,839	24,750	6,799	69%	77%
-	Vận tải CNG bằng đầu kéo	21,149	4,232	7,617	(0,135)	36%	
-	Cho thuê bồn composite	14,942	4,607	17,133	6,933	115%	150%
1.2	Kinh doanh xe VP cho thuê tại Hà Nội	15,712	1,544	18,651	1,625	119%	105%
1.3	Kinh doanh xe VP cho thuê tại Tp. HCM	134,099	11,999	135,575	8,025	101%	67%
1.4	Vận tải than	7,680	0,104	0	0		
1.5	Kinh doanh và vận tải đá vôi	16,000	0,104	0	0		
<b>2</b>	<b>DV thương mại</b>	<b>166,170</b>	<b>0,054</b>	<b>229,209</b>	<b>0,030</b>	<b>138%</b>	<b>55%</b>
<b>3</b>	<b>Dịch vụ khác</b>	<b>1,094</b>	<b>0,098</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
<b>4</b>	<b>Hoạt động tài chính</b>	<b>0</b>	<b>(4,976)</b>	<b>0,842</b>	<b>(3,631)</b>		<b>73%</b>
<b>5</b>	<b>Thu nhập khác</b>	<b>3,154</b>	<b>3,154</b>	<b>5,899</b>	<b>5,805</b>	<b>187%</b>	<b>184%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>380,000</b>	<b>20,920</b>	<b>414,926</b>	<b>18,654</b>	<b>109%</b>	<b>89%</b>

✓ Tình hình hoạt động của từng lĩnh vực cụ thể như sau:

- **Vận tải CNG:** Doanh thu: 24,750 tỷ đồng (tương đương 69% KH), Lợi nhuận gộp: 6,799 tỷ đồng/ 8,839 tỷ KH, đạt 77% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vận chuyển CNG bằng 8 đầu kéo: Doanh thu đạt 7,617 tỷ đồng/21,149 tỷ KH (bằng 36% KH), Lợi nhuận gộp: (0,135) tỷ đồng/ 4,232 tỷ kế hoạch.

+ Cho thuê 06 bồn composite: doanh thu đạt 17,133 tỷ đồng/14,942 tỷ KH (bằng 115% KH). Lợi nhuận gộp: 6,933 tỷ đồng/ 4,607 tỷ KH, bằng 150% kế hoạch.

+ Nguyên nhân không đạt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận của đầu kéo: Do sự cố giếng IP từ tháng 2/2019 đến cuối tháng 6/2019 mới khắc phục được; mặt khác từ tháng 7 đến tháng 12/2019 giá khí LPG thấp hơn giá CNG nên nhiều khách hàng đã chuyển sang sử dụng LPG dẫn đến sản lượng vận chuyển khí CNG không đạt kế hoạch.

- **Kinh doanh xe vận phòng cho thuê tại Hà Nội:**

Số lượng kinh doanh: tổng số xe khai thác tính tới 31/12/2019 là 31 xe:

+ Xe định hạn: 16 xe, trong đó 13 xe Công ty và 03 xe vệ tinh.

+ Xe chuyển: 15 xe công ty.

Doanh thu: đạt 119% KH được giao (18,651 tỷ TH/15,712 tỷ KH).

Lợi nhuận gộp: đạt 105%KH (1,625 tỷ TH/1,544 tỷ KH)

**- Kinh doanh xe văn phòng cho thuê tại Hồ Chí Minh:**

Số lượng kinh doanh: tổng số xe khai thác là 186 xe, trong đó 63 xe Công ty đầu tư và 123 xe vệ tinh(tính tới 31/12/2019)

+ Doanh thu đạt 135,575 tỷ đồng/ 134,099 tỷ KH, bằng 101% kế hoạch.

+ Lợi nhuận gộp: 8,025 tỷ đồng thực hiện/ 11,999 tỷ đồng kế hoạch (bằng 67%KH). Nguyên nhân không đạt kế hoạch: Một số hợp đồng hết hạn và không gia hạn được phải thu hồi xe về để thanh lý, Công ty đã tham gia đấu thầu hợp đồng mới nhưng không thành công nên không phát triển thêm được xe mới, 36 xe chờ thanh lý không phát sinh doanh thu nhưng vẫn phát sinh các chi phí khấu hao, bảo hiểm, bãi đỗ...

**- Lĩnh vực kinh doanh thương mại:**

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện một số hợp đồng mua bán ethanol với doanh thu đạt 229,209 tỷ đồng/166,170 tỷ kế hoạch (đạt 138% kế hoạch). Lợi nhuận gộp đạt 30 triệu/ 54 triệu KH (bằng 55% KH).

**II. Kết quả thực hiện công tác lao động, đào tạo, công tác an sinh xã hội, hoạt động của tổ chức đoàn thể trong kỳ.**

**1. Công tác lao động:** Số liệu lao động tại thời điểm 31/12/2019 gồm 247 người, trong đó:

**❖ Khối trực tiếp SXKD:**

Lĩnh vực/đơn vị	NV Điều hành	CN Lái xe
- Đội xe Văn phòng cho thuê:	01 người	22 người
- Chi nhánh Thái Bình:	04 người	-
- Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:	12 người	185 người
- Tổ dự án hóa chất :	02 người	-
<b>Cộng:</b>	<b>19 người</b>	<b>207 người</b>

**❖ Khối lao động gián tiếp gồm 20 người.**

- Ban Giám đốc: 02 người, gồm GD và 02 PGD (01 Phó GD kiêm nhiệm Giám đốc Chi nhánh HCM đã tính ở Khối trực tiếp SXKD);

- Trưởng/phó phòng chức năng: 08 người (04 TP + 04 PP);

- Nhân viên văn phòng: 10 người.

**❖ Hội đồng quản trị (Thành viên HĐQT chuyên trách): 01 người**

**2. Công tác đào tạo**

Trong năm 2019, Công ty triển khai thực hiện cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp như sau:

- Tham gia tập huấn công tác quyết toán thuế: 02 người với số tiền 1,2 triệu đồng.

- Đào tạo cấp chứng chỉ lái xe an toàn tại Chi nhánh Hồ Chí Minh: 02 người với số tiền 5 triệu đồng.

- Đào tạo cấp chứng chỉ khóa học lái xe phòng thủ: 03 người, số tiền là 10,5 triệu đồng.

- Tập huấn nghiệp vụ PCCC, CNCH định kỳ và ATVSLĐ: 75 người, số tiền là 59,2 triệu đồng.

- Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CCCH: 17 người, số tiền là 22,1 triệu đồng.

- Đào tạo phòng vệ lái xe: 01 người, số tiền 2,5 triệu đồng.

- Chương trình chung về AT-VSLĐ và công tác sơ cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động: 32 người, số tiền 12 triệu đồng.

- Cử cán bộ đi đào tạo thực kỹ chuyên ngành tổ chức và quản lý vận tải: 02 người, số tiền là 14 triệu đồng.



### **3. Công tác an sinh xã hội, hoạt động của các đoàn thể**

Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động an sinh xã hội, đền ơn, đáp nghĩa, tương thân, tương ái và các hoạt động chăm lo đời sống cho CBCNV Công ty đã đạt được một số kết quả như sau:

- Tặng quà nữ CBCNV nhân dịp ngày 08/3 và 20/10: 15 triệu đồng.
- Thăm hỏi CBCNV, Người lao động trong Công ty trong các trường hợp hiếu hỉ, ốm đau, phẫu thuật với số tiền: 10,5 triệu đồng
- Chi hỗ trợ tổ chức Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức giải bóng đá giao hữu đầu xuân 2019: 20 triệu đồng.
- Tặng quà các cháu thiếu niên nhi đồng là con CBCNV Công ty nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6/2019 và Tết Trung thu 2019 : 66,6 triệu đồng.
- Tổ chức chương trình Vui tết Thiếu nhi 01/6/2019 cho các cháu là con CBCNV khối Văn phòng, Lái xe văn phòng cho thuê tại Hà Nội: 20 triệu đồng.
- Khen thưởng năm học 2018 – 2019 cho con CBCNV Công ty số tiền là: 15,7 triệu đồng.
- Tổ chức nghỉ mát năm 2019 đối với CBCNV tại văn phòng Công ty, văn phòng Chi nhánh Thái Bình và Chi nhánh Hồ Chí Minh là 320 triệu.

Các phong trào đoàn thể tại Công ty góp phần tạo môi trường làm việc lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần giúp người lao động hăng say, tích cực lao động.

### **III. Công tác đầu tư:**

Trong năm 2019, Công ty không thực hiện dự án đầu tư mới, chỉ hoàn thành nốt Dự án đang thực hiện từ năm 2018 là Dự án đầu tư 01 xe tải cầu 10 tấn. Đến 01/03/2019 đã bàn giao xe cho khách hàng đưa vào sử dụng. Công tác đầu tư dự án được thực hiện tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành, tình hình huy động vốn đảm bảo tiến độ, kịp thời thanh toán công nợ cho Nhà cung cấp.

### **IV. Công tác tái cơ cấu và kế hoạch trong kỳ tiếp theo.**

Theo định hướng, Công ty sẽ từng bước chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh từ vận tải bộ sang vận tải biển. Dự kiến năm 2020 Công ty sẽ đầu tư 01 tàu hàng rời Handy size (25.000 - 35.000 DWT) hoặc 01 tàu vận chuyên dầu/hóa chất trọng tải từ 10.000 DWT – 15.000 DWT. Do vậy, bắt đầu từ cuối quý 4/2019 đến 30/06/2020 Công ty sẽ tập trung thực hiện phương án tái cấu trúc tài sản, thu hồi vốn đầu tư từ các lĩnh vực kinh doanh xe văn phòng cho thuê và xe đầu kéo để tập trung nguồn lực tài chính, thu xếp vốn cho dự án đầu tư và cơ cấu lại toàn bộ nhân sự bộ máy quản lý điều hành theo ngành nghề kinh doanh cốt lõi là vận tải biển, bao gồm từ việc chấm dứt HĐLĐ/giải quyết chế độ lao động với các nhân sự không phù hợp, tuyển dụng, đào tạo nhân sự mới... đáp ứng với cơ cấu bộ máy quản lý mới.

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Trên cơ sở nguồn lực tài sản hiện có của Công ty cùng với các vấn đề tồn tại đã được giải quyết, công tác nhân sự được kiện toàn, nguồn lực tài chính tăng dần là những tiền đề để Công ty Đông Dương xây dựng kế hoạch SXKD năm 2020, cụ thể như sau:

#### I. THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

Công ty PVTrans PTT hiện nay đang hoạt động kinh doanh chính ở hai lĩnh vực: Cho thuê xe văn phòng và cho thuê phương tiện, thiết bị vận chuyển CNG khu vực phía Bắc với các khách hàng chủ yếu là các đơn vị trong ngành dầu khí.

##### 1. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê xe văn phòng

Đây là loại hình kinh doanh giản đơn, dễ bị cạnh tranh, lợi nhuận thấp. Sự cạnh tranh ngày càng trở nên gia tăng trong các năm 2018-2019, khi các tập đoàn đa quốc gia như Enterprise và Hertz chính thức tham gia vào thị trường Việt Nam. Với nguồn vốn dồi dào, công nghệ quản lý hiện đại, Enterprise và Hertz tham vọng phát triển nhanh số lượng xe cho thuê lên 1.000 đầu xe ngay trong năm 2020. Cùng với đó là thị trường giá xe ô tô đã qua sử dụng ngày càng giảm sâu do cạnh tranh khốc liệt với xe nhập khẩu giá rẻ, việc đầu tư mới phương tiện để thay thế hoặc phát triển thị trường cho thuê xe văn phòng có rất nhiều rủi ro. Rủi ro lớn nhất là thời hạn cho thuê ngắn (dưới 3 năm), lợi nhuận thấp trong khi giá xe có xu hướng ngày càng giảm, cơ hội thu lợi từ việc bán xe cũ sau thời gian cho thuê không còn, nguy cơ toàn bộ lợi nhuận từ hợp đồng cho thuê không đủ bù lỗ bán tài sản. Do đó, trong giai đoạn tới, Công ty sẽ không tiến hành đầu tư xe mới mà chuyển sang sử dụng xe vệ tinh để đưa vào khai thác. Toàn bộ xe Công ty sẽ được rút về và nhanh chóng thanh lý để thu hồi vốn.

##### 2. Lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG:

###### a. Hoạt động vận chuyển CNG bằng đầu kéo:

Trong lĩnh vực kinh doanh cho thuê phương tiện và thiết bị vận chuyển CNG, thị trường ổn định được từ năm 2016 đến 2018 với sản lượng vận chuyển trên 25 triệu Sm<sup>3</sup> khí/năm. Tuy nhiên từ đầu năm 2019, do sự cố sụt mỏ khí và sau đó là ảnh hưởng của giá LPG giảm sâu kéo dài, dẫn đến sản lượng vận chuyển năm 2019 ước chỉ đạt 20% sản lượng năm 2018.

Theo dự báo và kế hoạch của bên thuê dịch vụ (CNG VN) cung cấp, sản lượng khí CNG năm 2020 và các năm tiếp theo sẽ chỉ duy trì được từ 6-8 triệu Sm<sup>3</sup>/năm. Do đó, ngay trong Quý 4/2019 Công ty đã phải tiến hành cơ cấu lại đội phương tiện vận chuyển CNG, giảm từ 8 đầu phương tiện xuống còn 2 đầu phương tiện, tiến hành thanh lý 6 đầu phương tiện với số vốn CSH thu hồi về được 6,5 tỷ đồng.

###### b. Hoạt động cho thuê bồn composite vận chuyển CNG:

Công ty đang cho Công ty CNG Việt Nam thuê 06 bồn composite 40ft vận chuyển khí tại khu vực phía Nam theo hợp đồng dài hạn từ 2016 đến 2022 với sản lượng vận chuyển bình quân đạt trên 12 triệu Sm<sup>3</sup> khí/năm. Đây là hoạt động tương đối ổn định với doanh thu bình quân trên 13 tỷ đồng/năm và lợi nhuận trên 3 tỷ đồng/năm, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu trên 20% và tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH đầu tư đạt trên 13%.

##### 3. Những tác động của dịch bệnh Covid-19 và giảm giá dầu đến kế hoạch 2020

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình đại dịch Covid19 trong thời gian qua và sự sụt giảm sâu của giá dầu thế giới đã tác động hết sức tiêu cực đến các lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị, cụ thể:

3.1. Hoạt động vận tải CNG: Sản lượng CNG từ tháng 3/2020 sụt giảm nghiêm trọng do một số khách hàng nhỏ phải tạm dừng hoạt động sản xuất, một số khách hàng lớn chuyển sang sử dụng LPG (CP LPG tháng 1 là 577.5 USD/MT, tháng 2 là 525 USD/MT, tháng 3 giảm xuống 455 USD/MT và sang tháng 4 chỉ còn 235 USD/MT). Ngay từ cuối tháng 3/2020, CNG Việt Nam đã phải tạm dừng hầu hết các hợp đồng thuê bồn với hầu hết các đối tác, ngoại trừ bồn của Công ty Đông Dương vẫn được duy trì nhưng phải điều chỉnh giảm đơn giá thuê 10% từ 01/4/2020. Tuy nhiên vì sản lượng tiêu thụ giảm mạnh nên tần suất khai thác cũng chỉ đạt gần 0,6 chuyến/bồn/ngày. Hoạt động vận chuyển CNG bằng đầu kéo tại khu vực phía Bắc trong tháng 4 gần như không có việc với các nguyên nhân tương tự.

3.2. Hoạt động kinh doanh xe chuyên: Trước diễn biến của đại dịch, việc đi lại, di chuyển giữa các địa phương đã bị hạn chế ngay từ sau Tết Nguyên Đán. Từ 01/4 và dự kiến kéo dài đến 30/4 thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến việc hoạt động kinh doanh xe chuyên của Công ty gần như phải dừng toàn bộ từ giữa tháng 3 đến nay. Các lái xe được giải quyết nghỉ phép hết tháng 3, tháng 4 phải chuyển sang chế độ chờ việc với mức lương tối thiểu.

3.3. Hoạt động cho thuê xe định hạn tại phía Nam và Hà Nội: Việc hạn chế đi lại dẫn đến không phát sinh km vượt định mức, trong khi đây lại là nguồn thu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của hoạt động cho thuê xe định hạn. Một số hợp đồng cho thuê định hạn với các liên doanh/nhà thầu nước ngoài kết thúc trong Quý I/2020 không được gia hạn, phải rút xe về nằm bãi (đến 31/3/2020 số xe nằm bãi tại phía Nam là 30 xe) trong bối cảnh thị trường mua bán xe mới và cũ đều bị suy giảm, gần như đóng băng.

3.4. Hoạt động tái cấu trúc Công ty: Trong Quý I/2020, Công ty đã quyết liệt triển khai và thực hiện tái cấu trúc bộ máy điều hành, cắt giảm 50% số lượng lao động gián tiếp tại VP Công ty. Tuy nhiên, do diễn biến của đại dịch Covid19, công tác tái cấu trúc hoạt động SXKD của đơn vị chịu ảnh hưởng nặng nề và không thực hiện được theo kế hoạch đã đề ra. Với những khó khăn của nền kinh tế trong nước và thế giới hiện nay, kế hoạch thanh lý xe văn phòng chỉ có thể triển khai được khi tình hình kinh tế trong nước khởi sắc hơn ở những tháng cuối năm 2020, tuy nhiên rất khó có thể đảm bảo giá trị thanh lý bằng với giá trị còn lại theo sổ sách kế toán trong trường hợp kịch bản xấu xảy ra.

#### **4. Định hướng kế hoạch đầu tư năm 2020:**

Trước thực trạng các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu đều đang có xu thế đi xuống, nhu cầu cấp bách hiện nay của PVTrans- PTT là tìm ra hướng đi mới, lĩnh vực kinh doanh mới ngay trong năm 2020, làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển dài hạn.

Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans), PVTrans- PTT xác định bám sát và song hành với lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của PVTrans là hoạt động vận tải biển. Trên cơ sở đó tranh thủ tối đa sự hỗ trợ trực tiếp của PVTrans và các đơn vị thành viên trong hệ thống để tạo đà cho sự phát triển bền vững và lâu dài cho Công ty.

Với mục tiêu đó, sau khi nghiên cứu đánh giá thời cơ, cơ hội và thách thức, nhằm bứt phá ra khỏi lĩnh vực kinh doanh hiện tại, với khả năng tài chính của mình, Công ty đã chủ động nghiên cứu, xây dựng kế hoạch trong năm 2020 sẽ đầu tư 01 tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 DWT- 35.000 DWT hoặc 01 tàu dầu/hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT- 15.000 DWT tuổi tàu từ 10-14 năm với tổng mức đầu tư từ 8-10 triệu USD. Đây là phân khúc được đơn vị đánh giá là phù hợp trên các cơ sở sau:

+ Vận chuyển dầu/hóa chất là một trong các hoạt động chính hiện nay của Tổng Công ty PVTrans. Hiện nay, PVTrans và các đơn vị thành viên đang sở hữu khai thác 11 tàu vận chuyển dầu/hóa chất với tổng trọng tải hơn 190.000DWT cho các loại với size tàu từ 9.000 DWT đến 46.000 DWT ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

+ Đội tàu vận chuyển dầu/hóa chất của Tổng công ty PVTrans hiện nay có đến 05 tàu trên 20 tuổi (từ 22 - 24 tuổi) đã bước vào giai đoạn tàu già, chi phí vận hành các tàu này tăng cao, thường xuyên trục trặc kỹ thuật dẫn tới giảm lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Việc xem xét, nghiên cứu đầu tư tàu dầu/hóa chất của Công ty Đông Dương là phù hợp với chủ trương trẻ hóa

đội tàu, mở rộng thị trường và gia tăng năng lực cạnh tranh trên cả thị trường trong nước cũng như quốc tế của Tổng Công ty PVTrans.

+ Trong thời gian vừa qua, giá cước tàu vận chuyển dầu/hóa chất (IMO) có size từ 10.000 DWT - 15.000 DWT luôn có sự ổn định. Thực tế trong giai đoạn đầu năm 2020, thị trường vận chuyển của phân khúc tàu này ít bị ảnh hưởng so với các loại hình vận chuyển đường biển khác và theo đánh giá nhu cầu vận chuyển dầu/hóa chất sau đại dịch Covid19 sẽ tăng trở lại nhanh hơn, mạnh hơn và có tính ổn định cao hơn so với các phân khúc khác. Đây là chủng loại tàu đơn vị có thể xem xét để lựa chọn đầu tư.

Với định hướng đó, được sự hỗ trợ của các Ban chức năng của PVTrans và các đơn vị thành viên thuộc PVTrans, Công ty PTT đã tiến hành nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư 01 tàu vận chuyển dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000 – 15.000 DWT, dự kiến đầu tư tàu vào quý IV/2020. Theo đánh giá, đây là thời điểm thuận lợi để Công ty chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh, là cơ sở cho sự phát triển bền vững và dài hạn của Công ty trong tương lai, phù hợp với chủ trương, định hướng của Tổng Công ty và Tập đoàn trong chiến lược giai đoạn 2020-2035.

## 5. Tổng hợp các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

### 5.1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD:

*DVT: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
<b>I</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>350,00</b>
1	Vận tải CNG bằng đầu kéo	6,96
2	Cho thuê bồn composite	12,80
3	Kinh doanh xe VP cho thuê tại Hà Nội	11,39
4	Kinh doanh xe VP cho thuê tại HCM	114,27
5	Kinh doanh, khai thác vận tải bằng tàu biển	31,18
6	Kinh doanh thương mại	171,40
7	Doanh thu hoạt động tài chính	0,37
8	Thu nhập khác	1,63
<b>II</b>	<b>Chi phí</b>	<b>342,50</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>7,50</b>

### Chi tiết từng lĩnh vực SXKD:

#### a. Hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ vận chuyển CNG:

- Dịch vụ cho thuê bồn vận chuyển CNG với CNG Việt Nam: Tiếp tục thực hiện dịch vụ theo hợp đồng dài hạn với CNG Việt Nam, các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 như sau:

- + Số lượng bồn cho thuê: 06 composite 40ft
- + Sản lượng vận chuyển: 12,3 triệu Sm<sup>3</sup>
- + Doanh thu: 12,8 tỷ đồng
- + Lợi nhuận gộp: 2,375 tỷ đồng.
- + Chi phí tài chính: 0,425 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận sau CPTC: 1,95 tỷ đồng

#### b. Hoạt động kinh doanh vận chuyển khí CNG bằng đầu kéo:

Khai thác hiệu quả 02 đầu kéo để tiếp tục thực hiện hợp đồng vận chuyển khí cho CNG Việt Nam theo kế hoạch sau:

- + Sản lượng vận chuyển kế hoạch: 7,56 triệu Sm<sup>3</sup>
- + Tổng km vận doanh: 0,257 triệu km
- + Doanh thu kế hoạch: 6,96 tỷ đồng
- + Lợi nhuận gộp: 0,82 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận sau CPTC: 0,82 tỷ đồng.

*c. Hoạt động kinh doanh xe vận phòng cho thuê:*

- + Tổng số xe khai thác kinh doanh: 190 xe (trong đó 182 xe vệ tinh và 8 xe Công ty)
- + Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận:

TT	Nội dung	Hà Nội	HCM	Cộng
1	Doanh thu (tỷ đồng)	11,4	114,3	125,7
2	Lợi nhuận gộp (tỷ đồng)	0,9	6,3	7,2
3	Chi phí tài chính (tỷ đồng)		0,8	0,8
4	Lợi nhuận sau CPTC (tỷ đồng)	0,9	5,5	6,4

**5.2. Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư:**

Dự án	Tổng mức đầu tư	
	Ngoại tệ (USD)	Quy đổi VNĐ (Tỷ đồng)
<b>Dự án đầu tư 01 tàu vận tải biển (chủng loại tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 DWT- 35.000 DWT hoặc 01 tàu vận chuyển dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 15.000 DWT)</b>		
Vốn CSH	4.210.000	98,935
Vốn vay	5.330.000	125,255
<b>Cộng</b>	<b>9.540.000</b>	<b>224,190</b>

(Tỷ giá xác định TMDT: 23.500 VNĐ/USD; TMDT đã bao gồm cả VAT)

**II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Giải pháp về sản xuất kinh doanh**

✓ *Kinh doanh xe vận phòng cho thuê:* Thực hiện tái cơ cấu lĩnh vực hoạt động kinh doanh xe vận phòng cho thuê theo hướng Công ty sẽ không tiến hành đầu tư xe mới mà sẽ sử dụng xe của các đơn vị vệ tinh để đưa vào thay thế cho các xe của Công ty khi đến kỳ phải rút về. Toàn bộ các xe Công ty sau khi rút về sẽ được nhanh chóng thanh lý để thu hồi vốn, tập trung nguồn lực tài chính cho kế hoạch chuyển hướng sang lĩnh vực kinh doanh vận tải tàu biển trong năm 2020. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng định hạn:
  - + Tiếp tục khai thác tối đa hiệu quả các hợp đồng định hạn.
  - + Sử dụng nguồn xe vệ tinh để thay thế cho các xe của Công ty khi đến kỳ rút về.
  - + Tổ chức thanh lý nhanh các xe Công ty ngay sau khi rút về để thu hồi vốn.
- Đối với xe chuyển: dịch chuyển sang sử dụng lại dịch vụ xe chuyển của các đơn vị vệ tinh, thanh lý toàn bộ số xe chuyển trong năm 2020 để thu hồi vốn.
- Cơ cấu lại bộ máy điều hành của Chi nhánh HCM phù hợp với thực tế từng giai đoạn. Tinh giản và tiến tới giải thể bộ máy điều hành xe chuyển tại Hà Nội trong 6 tháng đầu năm 2020, chỉ duy trì đầu mối duy nhất tại phòng Kinh doanh để tổ chức khai thác xe chuyển từ dịch vụ vệ tinh.

✓ *Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG*: Chủ động phối hợp với CNG Việt Nam trong việc tổ chức điều độ, vận chuyển, giao nhận hàng hóa ... đảm bảo tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành của các bên, kiểm soát tốt nhất các nguy cơ rủi ro phát sinh trong quá trình vận chuyển. Thực hiện công tác kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thường xuyên và định kỳ đúng quy trình đảm bảo phương tiện luôn trong tình trạng tốt đủ điều kiện phục vụ hoạt động SXKD.

## **2. Giải pháp về đầu tư:**

Với định hướng chuyển sang lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của Công ty là vận tải biển, trong năm 2020 đầu tư 01 tàu vận tải bằng biển với tổng mức đầu tư bao gồm cả VAT khoảng 9,5 triệu USD, dự kiến đầu tư tàu vào quý IV/2020

## **3. Giải pháp về quản lý, điều hành, quản lý tài chính**

- Tiếp tục tái cấu trúc bộ máy quản lý điều hành phù hợp với quy mô phát triển của đơn vị theo nguyên tắc tinh gọn, năng động và hiệu quả. Theo đó Công ty sẽ thực hiện tinh giảm nhân sự tại Chi nhánh Thái Bình, Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo số phương tiện quản lý điều hành; thực hiện cơ cấu lại nhân sự gián tiếp tại văn phòng công ty.

- Xây dựng và tổ chức kế hoạch đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm việc cho CBCNV hiện có. Tuyển dụng 3-4 nhân sự quản lý, khai thác, kỹ thuật tàu nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý ở giai đoạn mới.

- Xây dựng cơ chế lương/ thưởng phù hợp, đảm bảo thu hút lao động giỏi, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

- Đổi mới cơ chế quản lý để nâng cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong bộ máy điều hành và trong toàn Công ty. Thực hiện phân công, phân cấp sâu hơn, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cấp dưới phát huy tính tự chủ trong điều hành và xử lý công việc.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019		Tỷ lệ so sánh (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1	2	3	4	5	6=5/4
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>380.000</b>	<b>414.926</b>	<b>109%</b>
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	209.582	178.976	85%
1.1	Vận tải sản phẩm khí (vận tải CNG)	Tr.đồng	36.091	24.750	69%
	- Vận tải CNG bằng đầu kéo	Tr.đồng	21.149	7.617	36%
	- Cho thuê bồn composite	Tr.đồng	14.942	17.133	115%
1.2	Vận tải than	Tr.đồng	7.680	-	0%
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	16.000	-	0%
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	149.811	154.226	103%
	Xe vận phòng cho thuê tại HN	Tr.đồng	15.712	18.651	119%
	Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	134.099	135.575	101%
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166.170	229.209	138%
3	Từ dịch vụ khác/ hoạt động khác	Tr.đồng	1.094	-	0%
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	-	842	
	- Lãi tiền gửi	Tr.đồng	-	842	
	- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	Tr.đồng	-	-	
	- DT tài chính khác	Tr.đồng	-	-	
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	3.154	5.899	187%
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>368.500</b>	<b>405.685</b>	<b>110%</b>
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	354.104	391.708	111%
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	186.992	162.529	87%
	- Vận tải sản phẩm khí (vận tải CNG)	Tr.đồng	27.252	17.952	66%
	+ Vận tải CNG bằng đầu kéo	Tr.đồng	16.917	7.752	46%
	+ Cho thuê bồn composite	Tr.đồng	10.335	10.200	99%
	- Vận tải than	Tr.đồng	7.576	-	0%
	- Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	15.896	-	0%
	- Vận tải khác	Tr.đồng	136.268	144.577	106%
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HN	Tr.đồng	14.168	17.026	120%
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	122.100	127.550	104%

Stt	Chỉ tiêu	Dvt	Năm 2019		Tỷ lệ so sánh (%)
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	166.116	229.179	138%
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	996	-	0%
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	4.976	4.473	90%
2.1	- Chi phí lãi vay	Tr.đồng	4.976	4.473	90%
	+ Vận tải CNG	Tr.đồng	824	702	85%
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	4.152	3.771	91%
	+ Kinh doanh tàu	Tr.đồng		-	
2.2	- Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng		-	
2.3	- Chi phí tài chính khác	Tr.đồng		-	
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng		-	
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	9.420	9.411	99%
5	Chi phí khác	Tr.đồng		93	
III	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.500	9.242	80%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	9.200	7.362	80%
V	Các khoản phải nộp NSNN	Tr.đồng	9.600	9.702	101%

Báo cáo tài chính năm 2019



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
1	2	3	4
<b>A</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>		
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	251.760
	- Tài sản ngắn hạn	Tr.đồng	46.537
	- Tài sản dài hạn	Tr.đồng	205.223
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	118.666
3	Vốn điều lệ	Tr.đồng	100.000
	- Tỷ lệ tham gia của TCT	%	0,49
		<b>Tr.đồng</b>	<b>350.000</b>
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>		
1	Từ dịch vụ vận tải	Tr.đồng	176.605
1.1	Vận tải sản phẩm khí (vận tải CNG)	Tr.đồng	19.765
	- Vận tải CNG bằng đầu kéo	Tr.đồng	6.965
	- Cho thuê bồn composite	Tr.đồng	12.800
1.2	Kinh doanh, khai thác vận tải bằng tàu biển	Tr.đồng	31.180
1.3	Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	-
1.4	Vận tải khác	Tr.đồng	125.660
	Xe vận phòng cho thuê tại HN	Tr.đồng	11.396
	Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	114.264
2	Từ dịch vụ thương mại	Tr.đồng	171.400
3	Từ dịch vụ khác/ hoạt động khác	Tr.đồng	-
4	Từ hoạt động tài chính	Tr.đồng	370
5	Thu nhập khác	Tr.đồng	1.625
		<b>Tr.đồng</b>	<b>342.500</b>
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>		
1	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	326.890
1.1	Dịch vụ vận tải	Tr.đồng	155.542
	- Vận tải sản phẩm khí (vận tải CNG)	Tr.đồng	16.571
	+ Vận tải CNG bằng đầu kéo	Tr.đồng	6.146
	+ Cho thuê bồn composite	Tr.đồng	10.425
	- Kinh doanh, khai thác vận tải bằng tàu biển	Tr.đồng	20.532
	- Kinh doanh và vận tải đá vôi	Tr.đồng	-
	- Vận tải khác	Tr.đồng	118.439
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HN	Tr.đồng	10.484
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	107.955
1.2	Dịch vụ thương mại	Tr.đồng	171.348
1.3	Từ dịch vụ khác	Tr.đồng	-
2	Chi phí hoạt động tài chính	Tr.đồng	7.540
2.1	- Chi phí lãi vay	Tr.đồng	7.540
	+ Vận tải CNG	Tr.đồng	425
	+ Xe vận phòng cho thuê tại HCM	Tr.đồng	812
	+ Kinh doanh tàu	Tr.đồng	6.303
3	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	-
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr.đồng	7.720
5	Chi phí khác	Tr.đồng	350
		<b>Tr.đồng</b>	<b>7.500</b>
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		
<b>IV</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>		
<b>V</b>	<b>Các khoản phải nộp NSNN</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>9.120</b>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ  
 ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2020

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
<b>A</b>	<b>Dự án nhóm A</b>	Tỷ đồng						
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng						
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng						
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng						
<b>B</b>	<b>Dự án nhóm B</b>	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng						
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng						
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng						
	Đầu tư 01 tàu tàu hàng rời Handysize trong tải khoảng 25.000 DWT- 35.000 DWT hoặc 01 tàu vận chuyển dầu/ hóa chất trong tải khoảng 10.000 DWT – 15.000 DWT	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
<b>C</b>	<b>Dự án nhóm C</b>	Tỷ đồng						
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng						
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng						
2.1	Đầu tư xe văn phòng	Tỷ đồng						
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng						
<b>D</b>	<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	Tỷ đồng	0	0	0	0	0	0



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 03:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 29/6/2020)

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH, PHƯƠNG HƯỚNG**  
**HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020  
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

**I. Các hoạt động của BKS năm 2019**

Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Bà Phan Thị Thu Hà (Trưởng BKS kiêm nhiệm) được phân công: Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động công tác của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên BKS. Các nội dung thuộc lĩnh vực tài chính, kế toán và hiệu quả SXKD. Công tác đầu tư. Lập Báo cáo Giám sát gửi về Tổng Công ty PVTrans sau khi tổng hợp các ý kiến của các thành viên BKS.
- Bà Lê Thị Hải Yến (TV BKS kiêm nhiệm), được phân công: Công tác nhân sự, Công tác chi trả thu nhập và chế độ chính sách đối với Người lao động. Công tác phát triển nguồn nhân lực.
- Ông Phan Xuân Sơn (TV BKS kiêm nhiệm) được phân công: Công tác quản trị nội bộ doanh nghiệp. Việc chấp hành các Quy chế, quy định và quy trình của Cty.

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp của Ban Kiểm Soát, bao gồm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.

Ban KS tập trung vào thực hiện kiểm soát các nội dung đã quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS, chưa tiến hành được các kiểm soát chuyên đề.

- Giám sát hoạt động của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty PVTrans-PTT.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đánh giá tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ và các yêu cầu của tổ chức kiểm toán độc lập.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để triển khai chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- BKS đã tiến hành kiểm soát độc lập hoạt động của Công ty. Bao gồm:
  - + Chấp hành và triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT;
  - + Quy trình, quy định quản lý nội bộ của Công ty;
  - + Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2019.

Ban Kiểm Soát xác nhận các số liệu trong BCTC kiểm toán năm 2019 được đưa ra trong Báo cáo của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực, khách quan tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty.

## II. Kết quả hoạt động của Công ty

### 1. Đánh giá tình hình thực hiện doanh số và quản lý chi phí

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2019	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ % ss KH 2019	Tỷ lệ % ss 2018
Doanh thu thuần	376,84	408,19	459,62	108%	89%
Giá vốn	354,10	391,71	441,09		
Lãi gộp	22,74	16,48	18,53		
Doanh thu TC		0,84	0,49		
Chi phí tài chính	4,98	4,47	2,70		
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	4,98	4,47	2,70		
Chi phí bán hàng	-	-	-		
Chi phí quản lý	9,42	9,41	10,53		
Lợi nhuận thuần từ HĐKD		3,43	5,79		
Lợi nhuận khác		5,80	0,76		
Lợi nhuận trước thuế	11,50	9,24	6,55	80%	141%
Lợi nhuận sau thuế	9,20	7,36	4,89		

Kết quả kinh doanh năm 2019 Công ty hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận đạt 80% kế hoạch đã trình Đại hội Đồng cổ đông.

- Doanh thu năm 2019 tăng so với kế hoạch 7% chủ yếu do Công ty tăng kinh doanh loại hình thương mại, trong khi doanh thu các hoạt động chính không đạt kế hoạch.
- Chi phí quản lý giảm không vượt so với kế hoạch đã được phê duyệt, tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty cũng cần có các biện pháp tiết giảm chi phí để nâng cao hơn nữa hiệu quả SXKD, vì doanh thu và lợi nhuận các hoạt động chính là vận tải CNG và vận tải xe văn phòng không đạt kế hoạch.

### 2. Phân tích các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Đánh giá
<b>I. Khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất lãi gộp/ Doanh thu	4,03%	4,03%	Năm 2019 DT, LN đều tăng so với năm trước, vì vậy dẫn đến các chỉ số tỉ suất lợi nhuận/ doanh thu năm 2019 cao hơn so với năm 2018.
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu	2,26%	1,43%	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	1,8%	1,06%	
<b>II. Khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	2,09	1,42	Hệ số thanh toán năm 2019 tăng với năm 2018, khả năng thanh toán của Công ty trong tình trạng tốt và an toàn. Tình hình tài chính lành mạnh.
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	2,09	1,41	

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Đánh giá
<b>III Khả năng hoàn vốn</b>			
ROA (tỷ lệ hoàn vốn/ Tổng TS bình quân)	4,10%	2,60%	Do lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng dẫn đến các tỷ lệ khả năng hoàn vốn đều tăng so với năm 2018.
ROE (tỷ lệ hoàn vốn/ Vốn CSH bình quân)	6,60%	4,50%	
<b>IV Hệ số hiệu quả hoạt động</b>			
Vòng quay phải thu Khách hàng	13,44	11,07	Vòng quay phải thu khách hàng tăng chứng tỏ công ty thu hồi nợ tương đối tốt.
Số ngày công nợ phải thu	27,5	32	
<b>IV Các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính</b>			
Hệ số nợ (Nợ phải trả/ Vốn CSH)	0,53	0,72	Hệ số năm 2019 giảm so với năm 2018, cho thấy khả năng tài chính của Công ty vẫn ổn định và đang tốt dần lên.
Hệ số tự tài trợ (Vốn CSH/ Tổng tài sản)	0,66	0,59	Hệ số tự tài trợ năm 2019 tăng đáng kể so với năm 2018, cho thấy độ rủi ro về tài chính của Công ty được kiểm soát.

### III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT Công ty gồm 05 thành viên, thực hiện nhiệm vụ theo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên. Ban KS đánh giá trách nhiệm của các TV HĐQT rất cao và tinh thần đoàn kết thống nhất trong việc phân công và chịu trách nhiệm ở các vị trí then chốt của Công ty.
- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.
- Định kỳ ít nhất một quý một lần HĐQT đã duy trì đều đặn họp HĐQT, HĐQT đã kịp thời đánh giá hoạt động của Công ty, ban hành các nghị quyết thuộc thẩm quyền để giải quyết các đề xuất của các TV HĐQT và Ban GD. Các thành viên HĐQT hoạt động theo các nhiệm vụ được phân công cũng như hoạt động chung của HĐQT.
- HĐQT đã tiến hành phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên 2019 và liên tục giám sát thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch trong bối cảnh thực tế năm 2019 có nhiều khó khăn từ thị trường vận tải xe văn phòng, việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 cho thấy có rất nhiều cố gắng.
- Ban Kiểm Soát đánh giá cao HĐQT đã chủ động kiểm soát chi phí và nguồn nhân lực.
- Ban Kiểm Soát nhận thấy các nghị quyết của HĐQT được ban hành và triển khai phù hợp và có sự giám sát thực hiện. HĐQT đã đưa ra được quyết sách chiến lược để xây dựng và phát triển Công ty đảm bảo cho sự phát triển bền vững, mang lại giá trị Công ty cao.

### IV. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý

- Năm 2019 tuy có nhiều sự khó khăn về điều kiện kinh doanh nhưng nhịp độ kinh doanh vẫn được duy trì. Ban GD đã nỗ lực điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Năm 2019 là năm có sự biến động về chiến lược kinh doanh. Tuy nhiên Ban Giám đốc đã nhanh chóng tổ chức lại bộ máy cũng như tiến hành các bước tái cơ cấu nhân sự cho phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh những năm tiếp theo. Ban GD cần nỗ lực tìm kiếm nhân sự chất lượng cao, triển khai các biện pháp quản lý luân chuyển cán bộ, nhân viên đồng thời duy trì môi trường làm việc giữ vững văn hóa Công ty, thực hiện các chính sách người lao động cũng như duy trì các hoạt động đoàn thể.
- Ban GD đã tiến hành tìm kiếm cơ hội để kinh doanh đội xe có hiệu quả, nhằm đáp ứng thị trường. Tuy nhiên, lĩnh vực kinh doanh hiện hữu ngày càng bị cạnh tranh cao và đang có xu thế đi xuống. Ban giám đốc đã tìm các hướng đi thay thế nhằm vẫn duy trì quy mô kinh doanh của công ty.
- Ban Kiểm Soát nhận thấy rằng Ban Điều hành đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty với có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm Soát mong rằng Ban Điều hành sẽ tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc quản trị doanh nghiệp, nhanh chóng nhưng cần trọng trong việc tìm kiếm cơ hội kinh doanh mới.

#### **V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành**

- Trong năm 2019 sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc được thực hiện tốt.
- HĐQT và BGD cũng như các Phòng Ban chuyên môn của Công ty đã tạo điều kiện và hỗ trợ rất nhiều cho Ban kiểm soát để BKS có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

#### **VI. Kế hoạch hoạt động năm 2020 của BKS**

- Họp Ban kiểm soát 4 lần/năm vào ngày 15 của tháng đầu tiên của Quý;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện theo nghị quyết của HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý và kiến nghị với HĐQT và Ban điều hành Công ty;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán và các Cơ quan thanh kiểm tra (nếu có).
- Tiến hành kiểm soát chuyên đề hoạt động của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.

#### **VII. Kết luận và kiến nghị**

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2019, Ban Kiểm soát Công ty Đông Dương nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ luật pháp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Những Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều căn cứ theo thẩm quyền và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban GD điều hành thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật.

Trong năm 2020, BKS kiến nghị Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc điều hành như sau:

- Năm 2020 công ty có kế hoạch chuyển đổi ngành nghề kinh doanh và thực hiện tái cấu trúc do đó cần nghiên cứu đầu tư tài sản thời điểm phù hợp để tối đa hóa được hiệu quả đầu tư; thực hiện việc xử lý tài sản của các hoạt động kinh doanh có kế hoạch thu hẹp đúng quy định và thời điểm.
- Đưa ra giải pháp kinh doanh, xử lý có hiệu quả các phương tiện đã cũ, thời gian sử dụng lâu để đảm bảo phòng tránh rủi ro trong hoạt động kinh doanh;

- Đổi mới và nâng cao công tác quản lý, quản trị để không ngừng nâng cao giá trị Công ty và tối đa hóa lợi ích của cổ đông. Đặc biệt cần xây dựng hệ thống quản trị để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo minh bạch và chi tiết.
- Thực hiện cung cấp kịp thời, đầy đủ các yêu cầu của Ban kiểm soát để việc giám sát Ban kiểm soát có hiệu quả.





TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04:

*(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020*

*Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
BỞI CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ  
ĐÔNG DƯƠNG**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019

167 882 4 2 1000  
C.Đ. x M.S.D.M. n

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân,  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Hưng	Thành viên
Ông Bùi Hữu Cơ	Thành viên
Bà Vũ Thị Phương Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019)
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2019)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Huy	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Chấn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Hoài Nam	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2019)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.







**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>79.529.584.057</b>	<b>50.509.344.763</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.105.287.750</b>	<b>12.641.497.865</b>
1. Tiền	111		21.993.236.992	9.543.365.691
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.112.050.758	3.098.132.174
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>13.500.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.500.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.959.985.820</b>	<b>30.405.426.114</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	33.364.045.822	27.359.579.542
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		88.208.651	1.208.473.455
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	2.029.014.833	2.301.668.187
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.193.101.668)	(1.211.926.620)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		671.818.182	747.631.550
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>173.103.722</b>	<b>391.607.395</b>
1. Hàng tồn kho	141		822.858.624	832.028.892
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(649.754.902)	(440.421.497)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.791.206.765</b>	<b>7.070.813.389</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.355.788.717	2.281.710.906
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		435.418.048	4.768.361.717
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	20.740.766
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>92.594.517.799</b>	<b>139.193.220.656</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.602.887.500</b>	<b>1.561.387.500</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	3.602.887.500	1.561.387.500
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>88.732.085.897</b>	<b>137.307.208.572</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	88.732.085.897	137.307.208.572
- Nguyên giá	222		158.143.184.465	203.706.940.080
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(69.411.098.568)	(66.399.731.508)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		51.000.000	51.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(51.000.000)	(51.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>202.325.000</b>	<b>202.325.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		202.325.000	202.325.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>57.219.402</b>	<b>122.299.584</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	57.219.402	122.299.584
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>172.124.101.856</b>	<b>189.702.565.419</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>59.464.753.858</b>	<b>78.816.472.092</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.041.795.245</b>	<b>35.524.476.918</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	10.711.889.933	10.022.524.263
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.224.057.509	614.156.076
3. Phải trả người lao động	314		2.871.109.083	2.363.883.438
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		250.559.000	3.858.691.053
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		507.500.000	507.500.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.348.108.396	1.537.746.559
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	19.036.944.908	15.406.275.529
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	1.135.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		91.626.416	78.700.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>21.422.958.613</b>	<b>43.291.995.174</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	14	2.622.104.000	2.943.583.653
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	18.800.854.613	40.348.411.521
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>112.659.347.998</b>	<b>110.886.093.327</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>112.659.347.998</b>	<b>110.886.093.327</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.465.819.249	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.193.528.749	10.886.093.327
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.831.667.662	6.000.029.165
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.361.861.087	4.886.064.162
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>172.124.101.856</b>	<b>189.702.565.419</b>

  
 Nguyễn Thị Huyền  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Đình Chính  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Quang Huy  
 Giám đốc

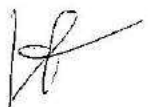
Ngày 09 tháng 3 năm 2020




**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 02-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	408.188.402.114	459.622.398.062
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	408.188.402.114	459.622.398.062
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	391.707.897.822	441.089.325.731
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.480.504.292	18.533.072.331
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		842.281.673	488.726.296
6. Chi phí tài chính	22		4.473.904.318	2.702.894.445
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.473.904.318	2.702.894.445
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	9.411.911.843	10.527.745.207
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		3.436.969.804	5.791.158.975
9. Thu nhập khác	31	21	5.893.729.137	2.376.090.056
10. Chi phí khác	32	22	88.122.583	1.617.668.386
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		5.805.606.554	758.421.670
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.242.576.358	6.549.580.645
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	1.880.715.271	1.663.516.483
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		7.361.861.087	4.886.064.162
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24		430



Nguyễn Thị Huyền  
Người lập biểu



Nguyễn Đình Chính  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy  
Giám đốc


Ngày 09 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**Tầng 14, Tòa nhà Việt Á, Phố Duy Tân  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**MẪU SỐ B 03-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	9.242.576.358	6.549.580.645
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	30.625.675.566	23.093.609.061
Các khoản dự phòng	03	(944.491.547)	(1.468.386.575)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(6.800.442.240)	(2.020.544.478)
Chi phí lãi vay	06	4.473.904.318	2.702.894.445
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.597.222.455	28.857.153.098
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.053.615.259	19.122.711.754
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.170.268	516.032.750
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(2.120.397.934)	(20.319.422.521)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	991.002.371	(141.867.853)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.473.904.318)	(2.702.894.445)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(990.881.416)	(2.377.959.448)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.003.000.000	951.540.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(961.103.042)	(642.533.334)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.107.723.643	23.262.760.001
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.159.059.091)	(46.666.798.179)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	19.887.000.000	1.531.818.182
3. Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn	23	(13.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	580.000.000
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	744.782.862	509.269.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.972.723.771	(44.045.710.916)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.700.000.000	32.421.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(19.616.887.529)	(13.288.050.360)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.699.770.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.616.657.529)	19.132.949.640
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	16.463.789.885	(1.650.001.275)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	12.641.497.865	14.291.499.140
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	29.105.287.750	12.641.497.865



Nguyễn Thị Huyền  
Người lập biểu



Nguyễn Đình Chính  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Huy  
Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020

11/1/2020

TÀI

TÀI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102327357 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 241 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 282 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải bằng ô tô; buôn bán xăng, dầu khí hóa lỏng; kinh doanh hạt nhựa, kinh doanh các ngành gas, bao gồm chế tạo sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản; dịch vụ quảng cáo thương mại, bán phụ tùng, thiết bị máy móc dân dụng và công nghiệp; đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

M.S.C

	<b>Năm nay</b>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	4 - 5
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Các khoản chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, chi phí bảo hiểm trả trước, chi phí thuê tài sản và các khoản chi phí trả trước khác. Tiền thuê văn phòng, bảo hiểm và thuê tài sản trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê và thời gian trả trước.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích theo ước tính của Ban Giám đốc Công ty.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	265.319.854	442.036.194
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.727.917.138	9.101.329.497
Các khoản tương đương tiền	7.112.050.758	3.098.132.174
	<b>29.105.287.750</b>	<b>12.641.497.865</b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>11.460.308.845</b>	<b>4.564.866.360</b>
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Sản xuất Kiết Anh	9.884.999.993	-
Công ty TNHH Castrol BP Petco	792.450.780	1.720.716.800
Công ty Cổ phần Daikin Air Conditioning (Việt Nam)	171.524.100	154.842.600
Đối tượng khác	611.333.972	2.689.306.960
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 26)</b>	<b>21.903.736.977</b>	<b>22.794.713.182</b>
	<b>33.364.045.822</b>	<b>27.359.579.542</b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn:</b>	<b>2.029.014.833</b>	<b>2.301.668.187</b>
Tạm ứng	940.375.612	1.180.743.870
- Trong đó: Tạm ứng khối lái xe thành phố Hồ Chí Minh	811.677.497	1.114.195.755
Khác	1.088.639.221	1.120.924.317
<b>b. Dài hạn:</b>	<b>3.602.887.500</b>	<b>1.561.387.500</b>
Ký cược, ký quỹ	3.602.887.500	1.561.387.500
	<b>5.631.902.333</b>	<b>3.863.055.687</b>

**7. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng đã trích VND	Giá gốc VND	Dự phòng đã trích VND
<b>Công nợ quá hạn</b>	<b>1.222.554.858</b>	<b>1.193.101.668</b>	<b>1.252.734.822</b>	<b>1.211.926.620</b>
- Phải thu khách hàng	351.848.768	337.170.716	351.848.768	337.170.716
- Phải thu ngắn hạn khác	786.196.470	771.421.332	797.551.482	771.421.332
- Trả trước cho nhà cung cấp	84.509.620	84.509.620	103.334.572	103.334.572

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các khoản nợ xấu được trình bày ở trên có thời gian quá hạn từ trên 2 năm. Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	822.858.624	649.754.902	832.028.892	440.421.497
	<b>822.858.624</b>	<b>649.754.902</b>	<b>832.028.892</b>	<b>440.421.497</b>

Trong năm 2019, Công ty trích lập bổ sung dự phòng vật tư thay thế với số tiền là: 209.333.405 VND (năm 2018 là 0 đồng) và hoàn nhập dự phòng vật tư thay thế với số tiền là: 0 VND (năm 2018 là 367.257.669 VND).

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.355.788.717</b>	<b>2.281.710.906</b>
- Chi phí trả trước	1.349.814.040	2.242.223.840
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.974.677	39.487.066
<b>b) Dài hạn</b>	<b>57.219.402</b>	<b>122.299.584</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.219.402	122.299.584
	<b>1.413.008.119</b>	<b>2.404.010.490</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.827.988.941</b>	<b>199.807.709.775</b>	<b>71.241.364</b>	<b>203.706.940.080</b>
Mua sắm mới	-	3.159.059.091	-	3.159.059.091
Thanh lý trong năm	(3.791.322.274)	(44.643.555.432)	-	(48.434.877.706)
Giảm khác	-	(287.937.000)	-	(287.937.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.666.667</b>	<b>158.035.276.434</b>	<b>71.241.364</b>	<b>158.143.184.465</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>3.827.988.941</b>	<b>62.500.501.203</b>	<b>71.241.364</b>	<b>66.399.731.508</b>
Trích khấu hao trong năm	-	30.625.675.566	-	30.625.675.566
Thanh lý trong năm	(3.791.322.274)	(23.535.049.232)	-	(27.326.371.506)
Giảm khác	-	(287.937.000)	-	(287.937.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.666.667</b>	<b>69.303.190.537</b>	<b>71.241.364</b>	<b>69.411.098.568</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	-	137.307.208.572	-	137.307.208.572
Tại ngày cuối năm	-	88.732.085.897	-	88.732.085.897

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 68.309.812.060 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 105.800.511.613 VND) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 15).

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.332.453.172 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.869.460.286 VND).

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ  
 CỦA NGƯỜI CHỨC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>10.711.889.933</b>	<b>10.711.889.933</b>	<b>9.178.363.753</b>	<b>9.178.363.753</b>
Công ty TNHH MTV Thương mại & Dịch vụ Huy Hoàng Hà	1.774.615.020	1.774.615.020	2.959.557.930	2.959.557.930
Công ty TNHH Elefa	754.177.000	754.177.000	558.826.000	558.826.000
Công ty Cổ phần Xe Đông Nam	712.312.150	712.312.150	191.400.000	191.400.000
Các đối tượng khác	7.470.785.763	7.470.785.763	5.468.579.823	5.468.579.823
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 26)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>844.160.510</b>	<b>844.160.510</b>
	<b>10.711.889.933</b>	<b>10.711.889.933</b>	<b>10.022.524.263</b>	<b>10.022.524.263</b>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	20.740.766	-	20.740.766	-
Thuế GTGT đầu ra	20.740.766	-	20.740.766	-
<b>Cộng</b>	<b>20.740.766</b>	<b>-</b>	<b>20.740.766</b>	<b>-</b>
<b>b. Các khoản phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	548.466.515	43.568.893.695	41.832.829.268	2.284.530.942
- Thuế GTGT đầu ra	548.466.515	43.568.893.695	41.832.829.268	2.284.530.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.549.370)	1.880.715.271	990.881.416	877.284.485
Các loại thuế khác	78.238.931	299.263.597	315.260.446	62.242.082
Thuế thu nhập cá nhân	78.238.931	294.263.597	310.260.446	62.242.082
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>614.156.076</b>	<b>45.748.872.563</b>	<b>43.138.971.130</b>	<b>3.224.057.509</b>

M.S.D.

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 15)	15.406.275.529	15.406.275.529	23.247.556.908	19.616.887.529	19.036.944.908	19.036.944.908
<b>Cộng</b>	<b>15.406.275.529</b>	<b>15.406.275.529</b>	<b>23.247.556.908</b>	<b>19.616.887.529</b>	<b>19.036.944.908</b>	<b>19.036.944.908</b>

**14. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu phản ánh khoản tiền nhận đặt cọc của lái xe và khách hàng thuê xe.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>55.754.687.050</b>	<b>55.754.687.050</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>19.616.887.529</b>	<b>37.837.799.521</b>	<b>37.837.799.521</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	14.000.000.000	14.000.000.000	-	7.460.012.000	6.539.988.000	6.539.988.000
- HĐ số 1502LAV201600787 ký ngày 14/12/2016 (i)	14.000.000.000	14.000.000.000	-	7.460.012.000	6.539.988.000	6.539.988.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Tây Hà Nội	41.754.687.050	41.754.687.050	1.700.000.000	12.156.875.529	31.297.811.521	31.297.811.521
- HĐ số 28010.16.820.857575 ký ngày 30/06/2016 (ii)	9.333.687.050	9.333.687.050	-	3.613.050.360	5.720.636.690	5.720.636.690
- HĐ số 41527.18.820.857575 ký ngày 22/11/2018 (iii)	31.421.000.000	31.421.000.000	-	8.000.000.000	23.421.000.000	23.421.000.000
- HĐ số 44702.18.820.857575 ký ngày 10/12/2018 (iv)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	189.655.169	810.344.831	810.344.831
- HĐ số 3431.19.820.857575 TD, PL01 ký ngày 12/03/2019 (v)	-	-	1.700.000.000	354.170.000	1.345.830.000	1.345.830.000
<b>Cộng</b>	<b>55.754.687.050</b>	<b>55.754.687.050</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>19.616.887.529</b>	<b>37.837.799.521</b>	<b>37.837.799.521</b>

Số phải trả trong vòng 12 tháng 15.406.275.529  
Số phải trả sau 12 tháng 40.348.411.521

(i) Các khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng ngày 14 tháng 12 năm 2016 để thanh toán tiền mua ô tô các loại. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (không có ân hạn). Các khoản vay sẽ được trả đều 20 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 8,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu tiên và lãi suất điều chỉnh 6 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Agribank Hoàn Kiếm cộng 2,5% đến 3%/năm, trả nợ lãi hàng tháng. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, bao gồm 18 xe ô tô các loại có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 11.812.134.723 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 20 xe ô tô các loại có giá trị còn lại là 16.324.428.464 VND).

(ii) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho mục đích thanh toán thứ tin dụng cho hợp đồng mua bồn từ Công ty Xperion Energy & Environment GmbH. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.428.000 EUR, thời hạn giải ngân đến ngày 31 tháng 12 năm 2016. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 7,9%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 1,7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 06 bồn Composite CNG có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 29.073.118.145 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 06 bồn Composite có giá trị còn lại: 36.496.041.641 VND).

- (iii) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng vay ngày 22 tháng 11 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua lô 64 xe ô tô đã qua sử dụng theo Hợp đồng kinh tế số 59/2018/HĐMB/PCT-PTT ký ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long. Hợp đồng vay có hạn mức là 31.421.000.000 VND, thời hạn giải ngân 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian cho vay là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian rút vốn vay 03 tháng kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2018, thời gian ân hạn 6 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8,0%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất chính lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 37 xe ô tô Cửu Long có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 23.220.413.101 VND, 02 hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội số 30654.19.857575.TGDN trị giá 03 tỷ đồng, hợp đồng tiền gửi số 28481.19.820.857575.TGDN trị giá 03 tỷ đồng và tiền gửi tại khoản thanh toán tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội số 8201102279001 trị giá 09 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 64 xe ô tô Cửu Long có giá trị còn lại là 43.986.653.451 VND).
- (iv) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 10 tháng 12 năm 2018 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô Ford Transit theo hợp đồng kinh tế số 13981118/HDDKT/2018/VTDKDD-THANH XUAN ngày 12 tháng 11 năm 2018 ký giữa Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Ô tô Thanh Xuân. Hợp đồng vay có hạn mức là 1.014.000.000 VND, số tiền giải ngân trên kế ước nhận nợ là 1.000.000.000 VND. Thời gian cho vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, thời gian ân hạn 2 tháng. Khoản vay sẽ được trả đều hàng tháng theo lịch trả nợ cụ thể của từng giấy nhận nợ. Lãi suất của khoản vay theo thông báo hàng tháng từ ngân hàng, trong đó lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất bằng lãi suất sản phẩm tiết kiệm trung hạn linh hoạt VND kỳ hạn 24 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại ngày điều chỉnh lãi suất cộng 2,1%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 02 xe Ford Transit có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 1.374.155.660 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 02 xe ô tô Ford Transit có giá trị còn lại: 1.570.463.636 VND).
- (v) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay ngày 12 tháng 3 năm 2019 cho mục đích thanh toán một phần tiền mua xe ô tô tải cấu 10 tấn theo Hợp đồng kinh tế số 1712/HĐKT/2018/VTDKDD-THIENHUNGANH ký ngày 17 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Thiên Hưng Anh. Số tiền cho vay là 1.700.000.000 VND. Thời hạn cho vay tối đa là 48 tháng, thời hạn rút vốn vay 02 tháng kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2019, khoản vay không có thời gian ân hạn. Lãi suất của khoản vay được quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội và công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là 01 xe tải cấu có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.829.990.431 VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	19.036.944.908	15.406.275.529
Trong năm thứ hai	9.740.890.548	20.540.346.908
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.059.964.065	19.808.064.613
	<b>37.837.799.521</b>	<b>55.754.687.050</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	19.036.944.908	15.406.275.529
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>18.800.854.613</b>	<b>40.348.411.521</b>

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	-	6.558.029.165	106.558.029.165
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.886.064.162	4.886.064.162
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(558.000.000)	(558.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.886.093.327</b>	<b>110.886.093.327</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.361.861.087	7.361.861.087
Chia cổ tức	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	1.465.819.249	(1.465.819.249)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(588.606.416)	(588.606.416)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>1.465.819.249</b>	<b>11.193.528.749</b>	<b>112.659.347.998</b>

Theo Nghị quyết số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 về việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018, Công ty đã thực phân phối các quỹ và chia cổ tức cho cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 100.000.000.000 VND. Công ty chỉ phát hành cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

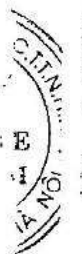
**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	38.670.000.000	38,67	48.670.000.000	4.867.000	48.670.000.000	4.867.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ PVI	10.002.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	10.000.000.000	10,00	-	-	-	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10.000.000.000	10,00	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hiệp	-	-	20.254.000.000	2.025.400	10.000.000.000	1.000.000
Bà Trần Thị Thu Hà	-	-	-	-	10.254.000.000	1.025.400
Các cổ đông khác	11.328.000.000	11,33	11.076.000.000	1.107.600	11.076.000.000	1.107.600
	<b>100.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>10.000.000</b>



11. Nguyễn Hồng Hiệp

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

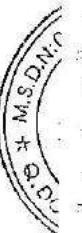
	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>408.188.402.114</b>	<b>459.622.398.062</b>
Doanh thu bán hàng	229.209.009.090	297.694.851.049
Doanh thu cung cấp dịch vụ	178.979.393.024	161.927.547.013
<i>Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (xem tại Thuyết minh số 26)</i>	175.432.938.959	165.884.387.540
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>408.188.402.114</b>	<b>459.622.398.062</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	229.179.172.727	297.640.752.879
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	162.528.725.095	143.448.572.852
	<b>391.707.897.822</b>	<b>441.089.325.731</b>

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.942.274.928	10.399.321.158
Chi phí nhân công	44.430.721.856	35.504.183.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.625.675.566	22.906.146.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.241.532.110	67.787.528.159
Chi phí khác bằng tiền	51.491.099.073	17.746.396.978
	<b>171.731.303.533</b>	<b>154.343.575.728</b>





**20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>9.411.911.843</b>	<b>10.527.745.207</b>
Chi phí nhân công	5.444.492.263	4.440.987.901
Chi phí vật liệu quản lý	6.944.747	261.117.185
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.197.500	21.040.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.682.023	169.701.122
Chi phí thuế, phí và lệ phí	29.033.039	39.583.873
Chi phí dự phòng	190.508.453	1.433.969.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.552.040.832	3.483.603.355
Chi phí khác bằng tiền	1.013.012.986	677.741.376

**21. THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.776.478.750	1.531.818.182
Thu nhập khác	117.250.387	844.271.874
	<b>5.893.729.137</b>	<b>2.376.090.056</b>

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí khác	88.122.583	1.617.668.386
	<b>88.122.583</b>	<b>1.617.668.386</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	9.242.576.358	6.549.580.645
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:	161.000.000	1.768.001.770
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	161.000.000	1.768.001.770
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>9.403.576.358</b>	<b>8.317.582.415</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.880.715.271	1.663.516.483
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.880.715.271</b>	<b>1.663.516.483</b>

011  
 CÔNG  
 TY  
 ELA  
 IET  
 GD

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>7.361.861.087</b>	<b>4.886.064.162</b>
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	736.186.109	588.606.416
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>6.625.674.978</b>	<b>4.297.457.746</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>663</b>	<b>430</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính và trình bày lại trên cơ sở lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trừ đi Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích cho năm 2018 (theo Nghị quyết liên tịch số 01-NQLT/ĐBBP-CD-VTDKĐD ngày 20 tháng 5 năm 2019). Số lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được xác định lại là 430 VND/cổ phiếu (số trình bày trên báo cáo tài chính năm trước là 489 VND/cổ phiếu).

**25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	49.361.479.805	38.806.523.194

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không huy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	27.845.926.597	12.978.639.782
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.138.184.942	8.354.864.753
	<b>29.984.111.539</b>	<b>21.333.504.535</b>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng, thuê bãi đỗ xe, thuê xe, thuê mặt bằng của Công ty.

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<b>STT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Tổng Công ty
2	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	Cùng Tập đoàn
3	Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	Cùng Tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	Cùng Tập đoàn
5	Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau	Cùng Tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	Cùng Tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	Cùng Tập đoàn
9	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Cùng Tập đoàn
10	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	Cùng Tập đoàn
11	Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
12	Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	Cùng Tập đoàn
13	Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Cùng Tập đoàn
14	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Cùng Tập đoàn
15	Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	Cùng Tập đoàn
16	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
17	Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Tập đoàn
18	Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	Cùng Tập đoàn
19	Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	Cùng Tập đoàn
20	Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>175.432.938.959</b>	<b>165.884.387.540</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	77.722.720.999	64.515.157.948
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	8.179.382.832	29.411.996.459
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	595.129.998	17.263.421.154
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	17.252.439.325	15.388.767.708
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	3.563.655.000	11.756.489.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	2.681.687.097	9.283.817.038
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - CTCP	4.391.163.375	4.008.210.530
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	2.923.699.272	3.139.357.500
Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	2.771.459.730	2.621.920.742
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	2.413.010.182	2.408.394.427
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.257.096.176	2.165.940.000
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Khí và Hóa chất Việt nam	42.614.717.138	2.141.478.235
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	12.050.000	1.383.883.599
Công ty Cổ phần Lọc hoá Dầu Bình Sơn	1.909.173.971	395.553.200
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	6.145.553.864	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>3.570.246.592</b>	<b>82.340.508.394</b>
Công Ty Cổ Phần Vận Tải Khí và Hóa chất Việt nam	-	50.071.086.045
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	16.656.430.609
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	2.052.941.672	8.363.671.881
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	-	4.240.200.879
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Khí hóa lỏng Hà Nội	-	1.351.595.643
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	1.052.738.681	951.309.364
Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội	464.566.239	632.273.656
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	-	73.940.317

*Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	904.943.281	1.168.947.945

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>Phải thu</b>	<b>21.903.736.977</b>	<b>22.794.713.182</b>
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	9.782.907.029	11.152.316.903
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	3.438.927.086	2.527.642.509
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc	1.836.777.061	1.702.079.605
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - PVEP	287.400.598	318.100.698
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	515.641.280	230.120.000
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	220.316.800	224.592.500
Công ty Cổ phần Lọc Hoá Dầu Bình Sơn	659.597.053	19.459.000
Các đối tượng khác	5.162.170.070	6.620.401.967
<b>Phải trả</b>	<b>-</b>	<b>844.160.510</b>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	430.148.010
Công ty Cổ phần Vận tải Khí và Hóa chất Việt Nam	-	414.012.500

**Nguyễn Thị Huyền**  
Người lập biểu

**Nguyễn Đình Chính**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Quang Huy**  
Giám đốc

Ngày 09 tháng 3 năm 2020



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



LỤC 05:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-DHĐCĐ ngày 29/6/2020)

PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2019



**PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ NĂM 2019**

Stt	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (Đồng)
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã 420)</b>		<b>11.193.528.749</b>
-	Năm trước để lại		3.831.667.662
-	Năm báo cáo (2019)		7.361.861.087
<b>2</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>		<b>2.576.651.054</b>
-	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành		
-	Quỹ đầu tư phát triển	30%	2.208.558.000
-	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	5%	368.093.054
-	Chia cổ tức		-
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại</b>		<b>8.616.877.695</b>



TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 06:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)

**CHỦ TRƯỞNG TÀI CẤU TRÚC GIAI ĐOẠN 2019 – 2020**







+ Hoạt động vận tải CNG: Sản lượng CNG từ tháng 3/2020 sụt giảm nghiêm trọng do một số khách hàng nhỏ phải tạm dừng hoạt động sản xuất, một số khách hàng lớn chuyển sang sử dụng LPG (CP LPG tháng 1 là 577.5 USD/MT, tháng 2 là 525 USD/MT, tháng 3 giảm xuống 455 USD/MT và sang tháng 4 chỉ còn 235 USD/MT). Ngay từ cuối tháng 3/2020, CNG Việt Nam đã phải tạm dừng hầu hết các hợp đồng thuê bồn với hầu hết các đối tác, ngoại trừ bồn của Công ty Đông Dương vẫn được duy trì nhưng phải điều chỉnh giảm đơn giá thuê 10% từ 01/4/2020. Tuy nhiên vì sản lượng tiêu thụ giảm mạnh nên tần suất khai thác cũng chỉ đạt gần 0,6 chuyến/bồn/ngày. Hoạt động vận chuyển CNG bằng đầu kéo tại khu vực phía Bắc trong tháng 4 gần như không có việc với các nguyên nhân tương tự.

+ Hoạt động kinh doanh xe chuyên: Trước diễn biến của đại dịch, việc đi lại, di chuyển giữa các địa phương đã bị hạn chế ngay từ sau Tết Nguyên Đán. Từ 01/4 và dự kiến kéo dài đến 30/4 thực hiện cách ly xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến việc hoạt động kinh doanh xe chuyên của Công ty gần như phải dừng toàn bộ từ giữa tháng 3 đến nay. Các lái xe được giải quyết nghỉ phép hết tháng 3, tháng 4 phải chuyển sang chế độ chờ việc với mức lương tối thiểu, đến tháng 5 đã phải tạm thời cho nghỉ không hưởng lương 50% số lái xe chuyên.

+ Hoạt động cho thuê xe định hạn tại phía Nam và Hà Nội: Việc hạn chế đi lại dẫn đến không phát sinh km vượt định mức, trong khi đây lại là nguồn thu ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của hoạt động cho thuê xe định hạn. Một số hợp đồng cho thuê định hạn với các liên doanh/nhà thầu nước ngoài kết thúc trong Quý I/2020 không được gia hạn, phải rút xe về nằm bãi (đến 30/4/2020 số xe nằm bãi tại phía Nam là 30 xe) trong bối cảnh thị trường mua bán xe mới và cũ đều bị suy giảm, gần như đóng băng.

+ Hoạt động tái cấu trúc Công ty: Trong Quý I/2020, Công ty đã quyết liệt triển khai tái cấu trúc bộ máy điều hành, cắt giảm được 50% số lượng lao động gián tiếp tại VP Công ty. Công tác tái cấu trúc, chuyển đổi lĩnh vực SXKD sẽ được tập trung triển khai và dự kiến hoàn thành trong năm 2020 sau khi được ĐHCĐ thông qua.

## II. SỰ CẦN THIẾT PHÁT TÁI CẤU TRÚC:

### 2.1 Kế hoạch SXKD các lĩnh vực hiện hữu:

Với thực trạng các hoạt động kinh doanh hiện hữu của Công ty như trên, dự kiến tổng lợi nhuận gộp của các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu nêu trên của Công ty (gồm: Cho thuê bồn vận chuyển CNG, cho thuê xe VP và vận chuyển CNG bằng đầu kéo) theo kế hoạch năm 2020 là 9,18 tỷ đồng, cụ thể:

TT	Nội dung	Doanh thu (Tỷ đồng)	Lợi nhuận (Tỷ đồng)
1	Cho thuê bồn vận chuyển CNG	12,80	1,95
2	Vận chuyển CNG bằng đầu kéo	6,96	0,82
3	Kinh doanh xe VP cho thuê	125,65	6,41
	- CN TP Hồ Chí Minh	114,26	5,50
	- Đội xe Hà Nội	11,39	0,91
	<b>Cộng</b>	<b>145,41</b>	<b>9,18</b>

(Ghi chú: Lợi nhuận của từng lĩnh vực đã được trừ chi phí tài chính)

### 2.2 Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý điều hành năm 2019 của Công ty:

+ Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý điều hành và số lượng nhân sự của từng bộ phận của Công ty hiện nay như sau:

<b>Khối văn phòng Công ty:</b>	<b>25 người</b>	<b>Khối điều hành trực tiếp:</b>	<b>14 người</b>
Ban giám đốc:	03 người	CN Thái Bình:	04 người
Phòng TCHC:	05 người	CN HCM:	10 người
Phòng TCKTKH:	06 người		

Phòng Kinh doanh: 06 người

Phòng KTATĐT: 05 người

+ Chi phí quản lý các đơn vị/bộ phận theo kế hoạch 2019 như sau:

Văn phòng Công ty: 9,42 tỷ đồng Chi phí gián tiếp

Đội xe VP HN: 0,30 tỷ đồng Tính thẳng vào chi phí SXKD trực tiếp

CN HCM: 4,05 tỷ đồng Tính thẳng vào chi phí SXKD trực tiếp

CN Thái Bình: 1,27 tỷ đồng Tính thẳng vào chi phí SXKD trực tiếp

Với các số liệu thực tế nêu trên, nếu không có giải pháp tái cấu trúc thì với bộ máy quản lý điều hành hiện nay, chi phí quản lý năm 2020 vẫn sẽ ở mức trên 9 tỷ đồng như kế hoạch 2019, chiếm toàn bộ lợi nhuận của các hoạt động SXKD hiện hữu mang lại, đồng nghĩa với việc Công ty không có lãi.

Như vậy, cùng với việc phải nhanh chóng triển khai hoàn thành công tác tái cấu trúc các hoạt động kinh doanh hiện hữu để thiết lập lại sự ổn định, tập trung tối đa các nguồn lực tìm kiếm hướng đi mới, lĩnh vực kinh doanh mới làm nền tảng cho kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty thì nhiệm vụ quan trọng ưu tiên hàng đầu hiện nay là phải khẩn trương tái cấu trúc cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý điều hành, tinh giản tối đa số lượng nhân sự gián tiếp và tiết giảm triệt để các khoản chi phí quản lý.

Tái cấu trúc Công ty là nhiệm vụ nặng nề nhưng vô cùng cấp bách, đòi hỏi sự quyết tâm và tham gia, phối hợp chặt chẽ giữa Đảng ủy, HĐQT, Ban Giám đốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.

### III. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA HĐQT:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, HĐQT xin báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua chủ trương tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2019-2020 với các nội dung cụ thể như sau:

#### 1. Tái cấu trúc lĩnh vực SXKD:

Mục tiêu: Hoàn thành toàn bộ việc thoái vốn đầu tư ở lĩnh vực xe văn phòng cho thuê trong năm 2020, cụ thể:

+ Tổng số xe văn phòng cho thuê của Công ty thời điểm hiện tại là 90 xe; dự kiến thu hồi về thanh lý là 82 xe

TT	Nội dung	Số lượng (Xe)	Giá trị còn lại tại các thời điểm (Đồng)	
			31/05/2020	30/06/2020
1	Xe dự kiến thu hồi để thanh lý	82	42.484.541.245	41.494.272.054
-	Xe đang nằm bãi chờ thanh lý	37	15.342.876.558	14.978.302.927
-	Xe đang hoạt động kinh doanh	45	27.141.664.687	26.515.969.127
2	Xe giữ lại tiếp tục KD	8	8.539.885.362	8.365.579.216
<b>Tổng cộng số xe thời điểm 29/6/2020</b>		<b>90</b>	<b>51.024.426.608</b>	<b>49.859.851.270</b>

+ Cơ cấu xe văn phòng cho thuê của Công ty dự kiến cuối năm 2020 như sau:

TT	Nội dung	Hà Nội	HCM	Tổng cộng
1	<b>Tổng số xe khai thác</b>	<b>16 xe</b>	<b>174 xe</b>	<b>190 xe</b>
1	Xe Công ty	4 xe	4 xe	8 xe
2	Xe Vệ tinh	12 xe	170 xe	182 xe

## **2. Chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh cốt lõi từ dịch vụ vận tải bộ sang lĩnh vực kinh doanh vận tải biển:**

Trước thực tiễn các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu đều đang có xu thế đi xuống, nhu cầu cấp bách hiện nay của PVTrans PTT là tìm ra hướng đi mới, lĩnh vực kinh doanh mới ngay trong năm 2020, làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển dài hạn.

Theo kế hoạch tái cấu trúc các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu như đã trình bày ở trên, trong năm 2020 PVTrans PTT cân đối được khoảng 80 tỷ đồng vốn dài hạn đầu tư cho lĩnh vực kinh doanh mới. Sau khi nghiên cứu, đánh giá, phân tích thị trường giá tàu, với khả năng tài chính của mình, PVTrans PTT đủ khả năng để đầu tư 01 tàu hàng rời trọng tải dưới 35.000 DWT hoặc 01 tàu dầu/hóa chất trọng tải từ 10.000 DWT – 15.000 DWT với tuổi tàu dưới 12 năm và tổng mức đầu tư dưới 10 triệu USD theo cơ cấu tỷ trọng vốn vay từ 60%-70%.

Phương án khai thác dự kiến trong giai đoạn đầu (từ 1 đến 2 năm), PVTrans PTT sẽ cho một trong các đơn vị của PVTrans thuê khai thác theo hình thức Bareboat, hoặc sử dụng dịch vụ quản lý kỹ thuật của đơn vị này và cho thuê Time Charter (T/C). Cùng với đó là công tác tái cấu trúc bộ máy điều hành để đảm bảo khả năng tự quản lý, khai thác của Công ty ngay trong năm 2020 với mục tiêu từ 2021 sẽ thuê thêm từ 1 đến 2 tàu để hình thành được đội tàu từ 2-3 tàu khai thác cả trong nước và quốc tế. Trên cơ sở hiệu quả kinh doanh thực tế 2020-2021, đến 2022 sẽ tiến hành tăng vốn để tiếp tục đầu tư thêm từ 2 đến 3 tàu cùng chủng loại, phấn đấu đến 2023 Công ty trực tiếp quản lý, khai thác đội tàu từ 4-5 tàu.

Nguyên nhân, lý do đề xuất chuyển dịch sang lĩnh vực vận tải biển:

+ Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans), PVTrans PTT xác định bám sát và song hành với lĩnh vực kinh doanh cốt lõi của TCT PVTrans là hoạt động vận tải biển. Trên cơ sở đó tranh thủ tối đa sự hỗ trợ trực tiếp của TCT PVTrans và các đơn vị thành viên PVTrans để tạo đà cho sự phát triển bền vững và lâu dài cho Công ty.

+ Vận chuyển dầu/hóa chất là một trong các hoạt động chính hiện nay của Tổng Công ty PVTrans. Tính đến cuối năm 2019, PVTrans và các đơn vị thành viên đang sở hữu khai thác 11 tàu chở dầu/hóa chất với tổng trọng tải trên 190.000 DWT cho các loại với size tàu từ 9.000 DWT đến 46.000 DWT ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Do đó, là đơn vị thành viên của PVTrans, việc Công ty Đông Dương đầu tư, khai thác tàu hóa chất sẽ có nhiều rất nhiều thuận lợi và lợi thế hơn so với tàu hàng rời.

+ Đội tàu của Tổng công ty PVTrans hiện nay có đến 05 tàu trên 20 tuổi (từ 22 - 24 tuổi) đã bước vào giai đoạn tàu già, chi phí vận hành các tàu này tăng cao, thường xuyên trục trặc kỹ thuật dẫn tới giảm lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Việc xem xét, nghiên cứu đầu tư tàu dầu/hóa chất của Công ty Đông Dương là phù hợp với chủ trương trẻ hóa đội tàu, mở rộng thị trường và gia tăng năng lực cạnh tranh trên cả thị trường trong nước cũng như quốc tế của Tổng Công ty PVTrans.

+ Trong thời gian vừa qua, giá cước tàu vận chuyển sản phẩm dầu/hóa chất (IMO) có size từ 10.000 - 20.000 DWT luôn ở mức cao hơn so với giá cước vận chuyển của tàu rời và có sự ổn định dài hạn hơn. Thực tế trong giai đoạn hiện nay, thị trường vận chuyển của phân khúc tàu này ít bị ảnh hưởng nhất và theo đánh giá nhu cầu vận chuyển dầu/hóa chất sau đại dịch Covid19 sẽ tăng trở lại nhanh hơn, mạnh hơn và có tính ổn định cao hơn so với các phân khúc khác. Đây là phân khúc đơn vị có thể xem xét để lựa chọn đầu tư.

Theo đánh giá, giai đoạn hiện nay là thời điểm thuận lợi để Công ty chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh, là cơ sở cho sự phát triển bền vững và dài hạn của Công ty trong tương lai, phù hợp với chủ trương, định hướng chiến lược giai đoạn 2025-2035 của TCT PVTrans nói riêng và Tập đoàn Dầu khí nói chung.

## **3. Tái cấu trúc bộ máy quản lý điều hành**

### **3.1 Mục tiêu:**

+ Tinh gọn nhân sự bộ máy quản lý điều hành, phù hợp với quy mô sau tái cấu trúc của các lĩnh vực kinh doanh hiện hữu, tối ưu hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng lĩnh vực.

+ Tuyển dụng được nhân sự giỏi, có chuyên môn và kinh nghiệm quản lý, kinh doanh tàu biển.

### 3.2 Nội dung chính:

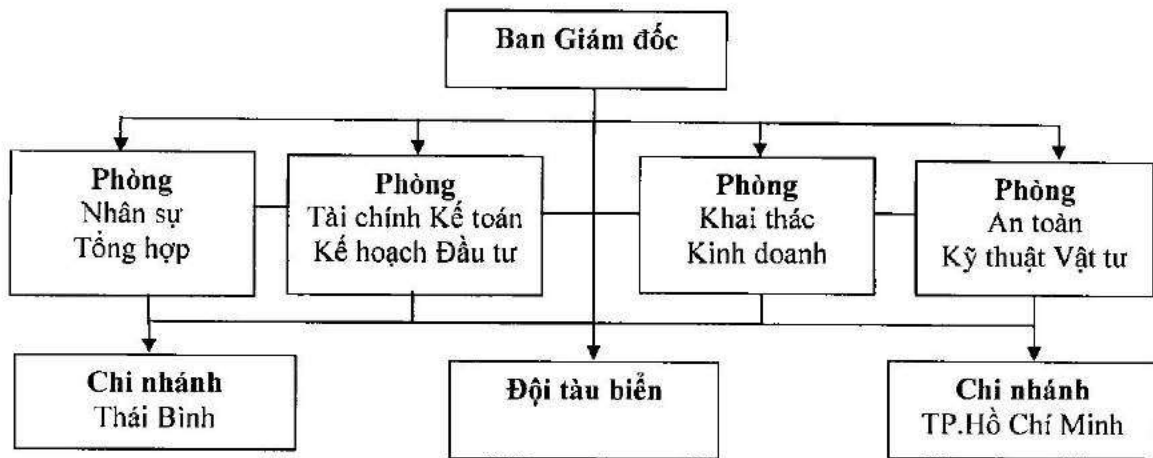
+ Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, định biên lao động của các phòng, bộ phận, đơn vị trực thuộc theo nguyên tắc phù hợp với quy mô hoạt động SXKD 2020.

+ Xây dựng tiêu chí cho từng vị trí công việc hiện tại, đánh giá chất lượng từng nhân sự theo các tiêu chí đã đề ra, xác định số lao động dôi dư. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty thống nhất phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với số lao động dôi dư, báo cáo/trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức triển khai đến từng người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp và NLĐ, không để phát sinh đơn thư trước, trong và sau khi thực hiện tái cấu trúc.

+ Xây dựng tiêu chí tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí công việc mới, xây dựng cơ chế tiền lương, tiền thưởng cho các vị trí công việc mới cần tuyển dụng, đảm bảo có thể tuyển dụng được các nhân sự giỏi, có chuyên môn và kinh nghiệm quản lý, kinh doanh tàu biển. Tuyển dụng đủ nhân sự cho lĩnh vực mới theo định biên và các tiêu chí đã đề ra.

### 3.3 Tổ chức lại mô hình bộ máy điều hành Công ty năm 2020:

Căn cứ kết quả khảo sát mô hình quản lý của các đơn vị kinh doanh vận tải biển trong hệ thống TCT PVTrans, kết hợp với quy mô lĩnh vực vận tải đường bộ của Công ty theo phương án tái cấu trúc hoạt động SXKD, HĐQT đề xuất mô hình bộ máy điều hành Công ty năm 2020 như sau:



Tái cấu trúc Công ty là tất yếu khách quan nhằm đảm bảo sự ổn định, cũng như tạo tiền đề để Công ty phát triển bền vững, lâu dài trong tương lai. Phương án tái cấu trúc bộ máy tổ chức quản lý điều hành được xây dựng đồng bộ, có xét đến tính kế thừa và đảm bảo phù hợp nhất với phương án tái cấu trúc các lĩnh vực hoạt động SXKD. Nhân sự được sắp xếp, tinh giản phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh vận tải biển của Công ty trong thời gian tới.

Trên cơ sở phương án tái cấu trúc đã xây dựng, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ xem xét, phê duyệt các nội dung sau:

1. Phê duyệt chủ trương tái cấu trúc lĩnh vực SXKD theo hướng từng bước thu hẹp các hoạt động kinh doanh cho thuê xe văn phòng, vận chuyển CNG để chuyển sang lĩnh vực kinh doanh vận tải tàu biển theo phương án và lộ trình HĐQT đã báo cáo.

2. Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt và quyết định các nội dung liên quan đến công tác tái cấu trúc Công ty trên cơ sở định hướng phát triển bền vững dài hạn, đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông, tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 07:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 29/6/2020)

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020



**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2020.**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2020 (tỷ đồng)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	350,000
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	342,500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,500
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,000
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	9,120

**2. Các chỉ tiêu kế hoạch đầu tư**

TT	Nội dung	Giá trị đầu tư (Tr.USD)	Giá trị đầu tư (Tỷ đồng)
<b>I</b>	<b>Đầu tư tài sản cố định</b>		
1	Đầu tư 01 tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 DWT- 35.000 DWT hoặc 01 tàu vận chuyển dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT – 15.000 DWT	9,540	224,190
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn</b>		
1	Vốn chủ sở hữu	4,210	98,935
2	Vốn vay ngân hàng	5,330	125,255

**Ghi chú:** - Tỷ giá kế hoạch năm 2020: 1USD = 23.500VND

- Phụ lục Kế hoạch đầu tư năm 2020 đính kèm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ  
 ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2020

Stt	Tên dự án	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch năm 2020		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác		Vốn chủ sở hữu	Vốn vay + khác
A	B	C	1	2	3	4	5	6
	<b>Tổng cộng (A+B+C+D)</b>	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
<b>A</b>	<b>Dự án nhóm A</b>	Tỷ đồng						
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng						
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng						
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng						
<b>B</b>	<b>Dự án nhóm B</b>	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	-	-	-	-	-	-
	Đầu tư 01 tàu tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 DWT- 35.000 DWT hoặc 01 tàu vận chuyển dầu/ hóa chất trọng tải khoảng 10.000 DWT - 15.000 DWT	Tỷ đồng	224,190	98,935	125,255	224,190	98,935	125,255
<b>C</b>	<b>Dự án nhóm C</b>	Tỷ đồng						
1	Dự án chuyển tiếp	Tỷ đồng						
2	Dự án khởi công mới	Tỷ đồng						
2.1	Đầu tư xe vận phòng	Tỷ đồng						
3	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng						
<b>D</b>	<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	Tỷ đồng	0	0	0	0	0	0





TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI  
DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHỤ LỤC 08:

(Đính kèm Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020

Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/NQ-VTDKĐD-ĐHĐCD ngày 29/6/2020)

**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2020**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.**



**BÁO CÁO**  
**THỰC HIỆN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH THÙ LAO NĂM 2020**  
**CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY.**

**1. Tình hình thực hiện thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2019:**

- Đối với Thành viên HĐQT và Kiểm soát viên kiêm nhiệm:
  - + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
  - + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
  - + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
  - + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

Phù hợp với kế hoạch thù lao của HĐQT, BKS đã được ĐHĐCĐ năm 2019 phê duyệt.

Tổng số tiền thù lao thực hiện đối với 04 thành viên HĐQT và 03 Kiểm soát viên kiêm nhiệm trong năm 2019 là: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

- Tiền lương, tiền thưởng của 01 Thành viên HĐQT chuyên trách là: 388.960.830 đồng (thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương).

**2. Kế hoạch thù lao, tiền lương, tiền thưởng của HĐQT và BKS năm 2020:**

- Mức thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và KSV cụ thể như sau:
  - + Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
  - + Thành viên HĐQT : 2.000.000 đồng/người/tháng
  - + Trưởng ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/tháng
  - + Kiểm soát viên : 1.000.000 đồng/người/tháng

- Tiền lương, tiền thưởng của Thành viên HĐQT chuyên trách: Giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện theo Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương.



Số: *M* /BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

**BIÊN BẢN**  
**CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ ĐÔNG DƯƠNG**

**Tên doanh nghiệp:** Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương.

**Địa chỉ trụ sở chính:** Tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**Mã số doanh nghiệp:** 0102327357, đăng ký lần đầu: ngày 25/07/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 13: ngày 01/6/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Thời gian họp đại hội đồng cổ đông:** 09h00 ngày 29/6/2020

**Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông:** Phòng họp Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, tầng 14, tòa nhà Việt Á, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA ĐẠI HỘI:**

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ VÀ TÍNH PHÁP LÝ CỦA ĐẠI HỘI:**

**1. Chủ tọa Đại hội:**

Theo quy định của Điều lệ Công ty, ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT là Chủ tọa điều hành Đại hội.

**2. Cổ đông tham dự:**

Đại hội đã nghe ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự đại hội như sau:

Tại thời điểm 09 giờ 00 phút ngày 29/6/2020 có tổng số cổ đông và đại diện cổ đông tham dự Đại hội là 04 cổ đông, đại diện cho 8.892.400 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm tỷ lệ 88,924% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông chốt ngày 04/6/2020 (chi tiết Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông đính kèm).

**3. Căn cứ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2014 về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông: “ Cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết”. Như vậy, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.**

**II. DIỄN BIẾN VÀ KẾT QUẢ CUỘC HỌP:**



**A. Khai mạc và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký, Tổ Kiểm phiếu và quy chế làm việc, thể lệ biểu quyết và chương trình đại hội:**

1. Ban tổ chức Đại hội đã tiến hành khai mạc Đại hội.
2. Ban tổ chức thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Tổ Kiểm phiếu.

**1) Đoàn Chủ tịch gồm:**

- + Ông Phạm Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.
- + Ông Nguyễn Quang Huy - Giám đốc - Thành viên.

**2) Tổ Thư ký gồm:**

- + Bà Đỗ Lan Phương - Phó phòng TCHC, Thư ký Công ty - Tổ trưởng
- + Bà Nguyễn Thị Tinh – Phó phòng KD - Tổ viên

**3) Tổ Kiểm phiếu gồm:**

- + Ông Nguyễn Đình Chính – Kế toán trưởng - Tổ trưởng
- + Ông Nguyễn Huy Bình - Trưởng phòng Kỹ thuật An toàn Đầu tư - Tổ viên
- + Ông Nguyễn Thanh Bình – Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Tổ viên
- + Ông Nguyễn Thành Cường – Trưởng phòng Kinh doanh – Tổ viên
- + Bà Nguyễn Thị Huyền – Phó phòng Tài chính Kế toán Kế hoạch - Tổ viên

Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký và Tổ Kiểm phiếu.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

3. Đại hội đã biểu quyết công khai và thông qua Nội dung chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.

**B. Các nội dung thảo luận và biểu quyết tại đại hội:**

Đại hội đã tiến hành thảo luận và biểu quyết để thông qua các nội dung như sau:

1. Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng Quản trị (Phụ lục 01):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

2. Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và Kế hoạch SXKD năm 2020 của Giám đốc (Phụ lục 02):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

3. Báo cáo hoạt động năm 2019 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát (Phụ lục 03):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

4. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 với một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	380,000	414,926	109%
2	Lợi nhuận trước thuế	11,500	9,242	80%
3	Lợi nhuận sau thuế	9,200	7,362	80%
4	Nộp ngân sách nhà nước	9,600	9,702	101%
5	Kế hoạch Đầu tư XDCB và mua sắm trang thiết bị	11,500	-	0%

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

5. Báo cáo Tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (Phụ lục 04):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

6. Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019 (Phụ lục 05):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

7. Chủ trương tái cấu trúc giai đoạn 2019 – 2020 (Phụ lục 06)

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 77,51% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

8. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020 và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư phù hợp với tình hình SXKD thực tế của Công ty (Phụ lục 07):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 77,51% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

9. Báo cáo thực hiện thù lao năm 2019 và Kế hoạch thù lao năm 2020 của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát (Phụ lục 08):

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

10. Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

11. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh và Sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty:

- **Bổ sung ngành, nghề kinh doanh:** Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (mã ngành 5012).

- **Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau:** Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (*mã ngành 5229*). Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ.
- **Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:** Điều Khoản 1 Điều 3: Ngành nghề kinh doanh.

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

12. Tăng số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022: từ 05(năm) người lên 06 (sáu) người.

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

13. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Bùi Hữu Cơ:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

14. Miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với bà Vũ Thị Phương Nga:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

15. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với bà Phan Thị Thu Hà:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

16. Miễn nhiệm Kiểm soát viên đối với ông Phan Xuân Sơn:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 100% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

17. Thông qua Danh sách ứng viên để bầu thành viên HĐQT gồm: ông Đỗ Đức Hùng, ông Nguyễn Quang Huy, ông Nguyễn Huy Khánh và ông Bùi Minh Trung:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

18. Thông qua Danh sách ứng viên để bầu Kiểm soát viên gồm: ông Nguyễn Thế Dân và ông Nguyễn Nghị:

**Tỷ lệ biểu quyết đồng ý: 88,76% số cổ phần của cổ đông tham dự đại hội.**

19. Thông qua việc bầu 03(ba) thành viên HĐQT kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty như sau:

TT	Họ tên	Số phiếu bầu/tổng số quyền bầu
1	Ông Nguyễn Quang Huy	8.305.780/26.682.480
2	Ông Đỗ Đức Hùng	8.300.500/26.682.480
3	Ông Nguyễn Huy Khánh	7.076.200/26.682.480

20. Thông qua việc bầu 02 (hai) Kiểm soát viên kiêm nhiệm nhiệm kỳ 2020-2025 của Công ty như sau:

TT	Họ tên	Số phiếu bầu
1	Ông Nguyễn Bá Nghị	7.919.560/17.788.320
2	Ông Nguyễn Thế Dân	7.868.760/17.788.320

- C. **Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:** Chủ tọa ĐHĐCĐ tuyên bố mọi cổ đông tham dự đều có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề.

1. Đề nghị chia cổ tức bằng tiền mặt tối thiểu 5%/VĐL?

Năm 2020, do tập trung nguồn vốn đầu tư. Vì vậy, việc chia cổ tức sẽ được thực hiện sau khi thực hiện xong công tác tái cấu trúc, hoạt động kinh doanh ổn định và có lãi công ty sẽ xem xét đề xuất chia cổ tức.

2. Đề nghị Công ty quyết liệt hơn nữa trong xử lý dứt điểm các khoản công nợ tồn đọng.

Công ty đã và đang quyết liệt trong công tác thu hồi nợ khó đòi.

3. Về dự án đầu tư 64 xe, cổ đông PVoil và GPbank đã có văn bản ngày 13/11/2019 đề nghị Ban lãnh đạo Công ty rà soát và có văn bản trả lời.

Nội dung này không có trong chương trình của Đại hội, Công ty sẽ có văn bản trả lời riêng cho cổ đông.

Biên bản Đại hội gồm 05 trang, đã được đọc công khai cho toàn thể Cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe. Đại hội đã nhất trí thông qua nội dung của Biên bản Đại hội và ủy quyền lại cho Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 12 giờ 15 phút ngày 29/6/2020.

TM. TÓ THƯ KÝ



Đỗ Lan Phương





PHỤ LỤC 01:

(Đính kèm Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020  
Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương số 01/BBH-VTDKĐD-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2020)

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

